

BÀI 1: TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT (THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ)

VĂN BẢN 1: LỜI CỦA CÂY

(Trần Hữu Thung)

A. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN (SGK/10)

1. Thơ bốn chữ, năm chữ (sgk)/10
2. Hình ảnh trong thơ (sgk/11)
3. Vần, nhịp và vai trò của vần, nhịp trong thơ (sgk/11.12)
4. Thông điệp (sgk/12)

B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. Chuẩn bị đọc (sgk / 13,14)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: (SGK/15)

2. Tác phẩm tiêu biểu (sgk/ 15)

a. Thể loại: Thơ 4 chữ

b. Xuất xứ: In trong *Những bài thơ em yêu*, Phạm Hồ, Nguyễn Nghiệp tuyển chọn

c. Bố cục: 2 phần

d. Chủ đề: Bài thơ thể hiện tình yêu thương, trân trọng những mầm xanh thiên nhiên.

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Quá trình sinh trưởng của hạt

- Khổ 1: HẠT lặng thinh
- Khổ 2: MẦM nhú lên giọt sữa, biết nói thì thầm
- Khổ 3: MẦM được chăm sóc như đứa trẻ sơ sinh
- Khổ 4: MẦM kiêng gió kiêng mưa, lớn lên nhờ đón tia nắng hồng
- Khổ 5: CÂY đã thành, lá xanh bập bẹ tiếng nói

- Khổ 6: CÂY bập bẹ xưng họ tên, hứa hẹn góp xanh cho đời

2. Tình cảm, cảm xúc của tác giả

<i>Từ ngữ, hình ảnh</i>	<i>Tình cảm</i>	<i>Mối quan hệ của tác giả với thiên nhiên</i>
“Hạt nằm lặng thinh”, “Nghe bàn tay vỗ”, “Ghé tai nghe rõ”, “Nghe mầm mở mắt”, “Nghe tiếng ru hời”...	Yêu thương, trù mến, nâng niu, trân trọng	Gần gũi, giao cảm mạnh mẽ với thiên nhiên

-> nhân hóa, điệp ngữ

=> **Miêu tả sống động quá trình sinh trưởng từ mầm thành cây. Tạo nên sự gần gũi, gắn bó giữa hạt mầm, cây và con người.**

3. Nhận xét về vần, nhịp

- Cách gieo vần chân: mình-thinh; mầm-thâm; giông-hồng;...

- Ngắt nhịp: 2/2, 1/3

4. Thông điệp: Hãy lắng nghe lời của cỏ cây loài vật để biết yêu thương, nâng đỡ sự sống; mỗi con người, sự vật, dù là nhỏ bé, đều góp phần tạo nên sự sống.

IV. Tổng kết

1. Nội dung: quá trình hạt phát triển thành cây. Qua đó, thể hiện tình cảm, cảm xúc nâng niu, trân trọng mà tác giả dành cho mầm cây.

2. Nghệ thuật: Biện pháp tu từ nhân hóa, điệp ngữ

I. Chuẩn bị đọc (sgk/15)**II. Trải nghiệm cùng văn bản****1. Tác giả (SGK/16)****2. Tác phẩm tiêu biểu (sgk/16)**

a. Thể loại: Thơ 5 chữ

b. Xuất xứ: In trong “Từ chiến hào đến thành phố”, 1991

c. Bố cục: 3 phần

d. Chủ đề: miêu tả sự chuyển mình của đất trời từ cuối mùa hạ sang thu, cảm nhận tinh tế của tác giả về thiên nhiên, những suy ngẫm về bước đi của thời gian.

III. Suy ngẫm và phản hồi**1. Thời điểm miêu tả bức tranh thiên nhiên**

- Vào khoảnh khắc giao mùa giữa mùa hạ sang mùa thu.

- Dấu hiệu nhận biết:

+ Nhan đề:

+ Những tín hiệu: Sương chùng chình; chim bắt đầu vội vã; nắng; mưa

2. Cách miêu tả chuyển động của thiên nhiên

- Những từ ngữ, hình ảnh: hương ổi phả vào trong gió se, sương chùng chình, chim vội vã, đám mây vắt nửa mình, cơn mưa vội dần

=> *sự tinh tế, nhạy cảm trong tâm hồn nhà thơ*

3. Cách ngắt nhịp, gieo vần

- Ngắt nhịp: 3/2, 2/3

→ **Góp phần thể hiện chút xao xuyến, băng khuâng của nhà thơ**

- Gieo vần: Gieo vần chủ yếu là vần chân (se-về, vã-hạ)

→ Tạo sự liên kết giữa các dòng thơ, câu thơ và tạo nhạc điệu cho bài thơ.

4. Thông điệp

- Thông điệp: Cần biết lắng nghe, cảm nhận thiên nhiên bằng tất cả các giác quan để đón nhận những món quà vô giá thiên nhiên

III. Tổng kết

1. Nội dung

Cảm nhận tinh tế cùng sự quan sát tỉ mỉ của tác giả về sự biến chuyển của đất trời từ cuối mùa hạ sang thu. Từ đó bộc lộ tình yêu thiết tha với thiên nhiên.

2. Nghệ thuật

Thể thơ năm chữ, nhiều những hình ảnh sinh động hấp dẫn. Ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị, gợi nhiều cảm xúc

ĐỌC KẾT NÓI CHỦ ĐIỂM

VĂN BẢN: ÔNG MỘT

(Vũ Hùng)

I. Chuẩn bị đọc (sgk/16,17)

II. Trải nghiệm cùng văn bản (sgk/ 17,18)

1. Tác giả: Vũ Hùng

2. Tác phẩm tiêu biểu

a. *Thể loại*: truyện ngắn

b. *Xuất xứ*: trích từ *Phía Tây Trường Sơn*, in trong *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Tình cảm của con voi

- Với Đê đốc Lê Trực: nó ủ rũ, gầy rạc đi, đứng buồn thiu, bỏ ăn, không đụng đến một ngọn mía, một sợi cỏ...

- Với người quân tượng: giúp người quân tượng phá rẫy, kéo gỗ; xuống làng; nó rống gọi rộn ràng từ xa; Khi quân tượng mất: nó quỳ xuống giữa sân, rống gọi rên rỉ mãi...

=> Tình cảm yêu thương, tôn trọng, gắn bó của con voi dành cho hai người chủ nhân của mình.

2. Cách cư xử của người quản tượng và dân làng

- Khi còn sống chung: người quản tượng rất quan tâm, chăm chú cho con voi

- Khi con voi về rừng:

+ Dân làng: háo hức chào đón

+ Người quản tượng: như trẻ lại; dẫn nó đi tắm; thiết đãi nó cả nướng mía...

=> Cả người quản tượng và dân làng đều yêu quý, quan tâm và chăm lo cho con voi như người thân của mình.

3. Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên: Con người với tự nhiên hoàn toàn có thể trở thành bạn bè, người thân và quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

III. Tổng kết

1. Nội dung

Đoạn trích trên giúp người đọc hiểu về mối quan hệ gắn bó, khăng khít như tình cảm ruột thịt giữa con người với thế giới tự nhiên

2. Nghệ thuật

- Ngôn từ trong sáng, bình dị, gần gũi với cuộc sống đời thường

- Lối viết hấp dẫn, thú vị

I. Tìm hiểu bài	II. Tri thức tiếng việt
1. <u>VD1</u> : a. Viên quan ấy đã đi nhiều nơi...	1. <u>Khái niệm</u> Phó từ là những từ chuyên đi kèm với danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ.

b. Cái áo này đẹp lắm .	THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: PHÓ TỪ	
2. VD2: SGK/12	2. Phân loại	
a. Vào những ngày ấy... b. ...không đựng vôi đến... c. Tôi tợn lắm	a. <u>Phó từ chuyên đi kèm trước danh từ:</u> bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ, chẳng hạn: những, các, mọi, mỗi, từng,... b. <u>Phó từ chuyên đi kèm trước động từ, tính từ:</u> bổ sung ý nghĩa: - Quan hệ thời gian: đã, sẽ, đang, sắp, mới - Mức độ: thật, khá, rất - Sự tiếp diễn tương tự: cũng, vẫn, cứ, còn - Phủ định: không, chưa, chẳng - Cầu khiến: hãy, đừng, chớ c. <u>Phó từ chuyên đi kèm sau động từ, tính từ:</u> bổ sung ý nghĩa: - Mức độ: lắm, cực kì, quá - Khả năng: được, có thể - Kết quả - hướng: được, ra, vào	
	III. <u>Thực hành tiếng việt:</u>(SGK/19) IV. <u>Viết ngắn</u> Viết đoạn văn ngắn (khoảng 6-8 câu) thể hiện cảm xúc của em với một loài cây, trong đó có sử dụng 1 phó từ	

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

VĂN BẢN: CON CHIM CHIÊN CHIÊN

(Huy Cận)

I. Ôn tập tri thức ngữ văn

Xem SGK/10,11

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Thể loại: thơ bốn chữ
2. Gieo vần, ngắt nhịp
3. Hình ảnh độc đáo
4. Biện pháp tu từ
5. Cảm xúc của tác giả
6. Thông điệp

LÀM MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ

I. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Xem SGK/22

II. Phân tích kiểu văn bản

Bài mẫu: Phân tích văn bản “*Nắng hồng*”

Stt	Câu hỏi	Câu trả lời
1	Thể thơ	5 chữ
2	Hình ảnh	Mặt Trời, chim sẻ, mưa phùn, ngõ quê, cây khoác áo nâu, áo trời xám, chim sẻ, ong, áo choàng...
3	BPNT	So sánh, nhân hóa, ẩn dụ
4	Vì sao khi sáng tác thơ văn cần sử dụng các biện pháp nhân hóa, so sánh	Sự vật, hiện tượng hiện lên sinh động, hấp dẫn, độc đáo, tạo ra được nét riêng trong cảm nhận, tăng sức gợi hình, gợi cảm
5	Vần	- Vần chân (gieo ở các tiếng cuối các dòng thơ): đâu – nâu, ngắt – hát, nhà – hoa, ngõ – mờ – nhỏ , lửa – đưa – cửa, đầy – tay,... - Vần lưng (gieo ở các tiếng giữa các dòng thơ): giấu – sâu, trong – cóng, đang – choàng,...
6	Chỉ ra cách nhìn mới lạ ở hai khổ cuối	Hai khổ thơ này, tác giả đã không chỉ đơn thuần miêu tả lại những hình ảnh sống động của thiên nhiên ngày đông lạnh giá mà còn giúp bạn đọc tìm lại cái ấm áp của “giọt nắng hồng” mùa xuân qua hình ảnh người mẹ đi chợ về

7	Em học được điều gì về cách làm bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	- Gieo vần cho bài thơ bằng cách sử dụng các từ ngữ có vần giống hoặc gần giống nhau ở các vị trí phù hợp (cuối các câu, giữa các câu thơ). - Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để miêu tả các đối tượng trong bài thơ - Sử dụng ngôn từ, hình ảnh độc đáo, ấn tượng, mới mẻ để gợi tả âm thanh, hình ảnh, màu sắc...
---	--	---

III. Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài: Hãy làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ thể hiện cảm xúc của em về sự vật, hiện tượng nào đó của thiên nhiên hoặc cuộc sống.

BƯỚC 1 Trước khi viết: - Xác định mục đích viết, người đọc và nội dung.
BƯỚC 2 Tìm ý tưởng cho bài thơ
BƯỚC 3 Làm thơ - Chọn những từ ngữ thích hợp. - Dùng các biện pháp tu từ như nhân hoá, so sánh, ẩn dụ điệp từ, điệp ngữ, ... để tăng hiệu quả thể hiện của bài thơ. - Ngắt nhịp phù hợp - Đọc diễn cảm
BƯỚC 4 Chỉnh sửa và chia sẻ

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ
MỘT BÀI THƠ BỐN HOẶC NĂM CHỮ**

I. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

1. Kiểu văn bản: biểu cảm, thể hiện cảm xúc về 1 bài thơ (sgk/25)

2. Phân tích kiểu văn bản: SGK/26

a. Trình bày cảm xúc về một bài thơ: Năng hòng của tác giả Bảo Ngọc

- Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.

- Thân đoạn:

+ Trình bày cảm xúc về bài thơ.

+ Chỉ ra những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết.

+ Liệt kê những chi tiết, hình ảnh được trích từ bài thơ

+ Ghi lại từ ngữ dùng để liên kết câu

- Kết đoạn: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.

b. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ:

- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc

- Đảm bảo cấu trúc ba phần: SGK/25

II. Hướng dẫn quy trình viết

BƯỚC 1

Chuẩn bị trước khi viết:

- Xác định đề tài và thu thập tư liệu

BƯỚC 2

Tìm ý, lập dàn ý

- Tìm ý: đọc diễn cảm bài thơ, xác định chủ đề và tìm từ ngữ, hình ảnh.
- Lập dàn ý: Sắp xếp các ý đã tìm được thành một dàn ý hoàn chỉnh.

1.Mở đoạn:Giới thiệu nhan đề, tác giả và nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ

2.Thân đoạn:trình bày cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ

3.Kết đoạn:Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của nó đối với người viết.

BUƯỚC 3

Viết đoạn

- Dựa vào dàn ý: viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc

BUƯỚC 4

Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

NÓI VÀ NGHE

TÓM TẮT Ý CHÍNH DO NGƯỜI KHÁC TRÌNH BÀY

I. Các thao tác tóm tắt: (SGK/29, 30)

Bước 1: Nghe ý chính và ghi tóm tắt

Bước 2: Đọc lại và chỉnh sửa

II. Thực hành tóm tắt ý chính do người khác trình bày

Hs thực hành

III. Trao đổi về phần tóm tắt

- Hs đọc bài của mình
- Trao đổi với người nói về nội dung tóm tắt
- Trao đổi với người nói ý kiến em chưa hiểu...

ÔN TẬP**I. NỘI DUNG BÀI HỌC**

- 1. Ôn tập về đọc:** Văn bản “*Lời của cây*”, “*Sang thu*”
- 2. Ôn tập về viết và nói:** Phó từ; thơ 4 chữ 5 chữ; tóm tắt ý chính
- 3. Ôn tập tổng quát**

II. LUYỆN TẬP

HS làm bài tập sách giáo khoa trang 30 vào vở bài tập.

BÀI 2: BÀI HỌC CUỘC SỐNG

(Truyện ngụ ngôn)

VĂN BẢN 1, 2: NHỮNG CÁI NHÌN HẠN HẸP**A. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN**

- 1. Khái niệm truyện ngụ ngôn:** (SGK/32)
- 2. Các đặc trưng thể loại truyện ngụ ngôn:** đề tài, nhân vật, sự kiện, cốt truyện, tình huống truyện, không gian, thời gian (SGK/32)
- 3. Tóm tắt văn bản và yêu cầu của việc tóm tắt văn bản** (SGK/32)

B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**I. Chuẩn bị đọc (sgk/ 33,34)****II. Trải nghiệm cùng văn bản****1. Thể loại:** truyện ngụ ngôn**2. Tóm tắt truyện:**

+ **Ếch ngồi đáy giếng:** Có một con ếch sống lâu ngày trong một cái giếng, xung quanh chỉ có nhái, cua, ốc, chúng rất sợ tiếng kêu của ếch. Ếch tưởng mình oai như vị chúa tể và coi trời bé bằng cái vung. Năm trời mưa to khiến nước mưa ngập giếng và đưa ếch ra ngoài, quen thói cũ ếch đi lại ngênh ngang đã bị một con trâu đi ngang dẫm bẹp.

+ **Thầy bói xem voi:** Năm ông thầy bói mù góp tiền biếu người quan voi để cho xem con voi có hình thù thế nào. Mỗi ông sờ một bộ phận của voi. Năm ông cãi nhau rồi đánh nhau toác đầu chảy máu.

3. Đề tài: những bài học về cách nhìn sự vật. Phê phán thói hư tật xấu, cách nhìn nhận vấn đề phiến diện của một số người trong xã hội.

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Tình huống truyện

Tình huống truyệnẾch ngồi đáy giếng	Tình huống truyện Thầy bói xem voi
Bị nước đẩy lên mặt đất -> con ếch vẫn quen thói nhâng nháo tự phụ, bị con trâu dẫm chết (-> bộc lộ tác hại của sự ngô nhận về bản thân)	Năm ông thầy bói mù rủ nhau “xem voi”, ai cũng tin chỉ có mình miêu tả đúng -> xô xát, đánh nhau (-> bộc lộ tác hại của lối nhận thức phiến diện về sự vật)

2. Nhân vật

Tên truyện	Ếch ngồi đáy giếng	Thầy bói xem voi
Loại nhân vật	Loài vật	Con người
Tên nhân vật	Con ếch và các con vật nhỏ bé sống trong đáy giếng	Năm ông thầy bói mù

□ Nhân vật không có tên riêng, được gọi bằng danh từ chung.

□ Nhân vật không miêu tả về hành động, suy nghĩ, lời nói.

3. Không gian, thời gian

Đặc trưng	Ếch ngồi đáy giếng	Thầy bói xem voi
Không gian	- dưới 1 cái giếng - bên ngoài giếng	Không xác định.
Thời gian	Không xác định.	Không xác định.

4. Bài học

- **Ếch ngồi đáy giếng:**

+ Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.

+ Không được tự cao, tự đại, chủ quan, kiêu ngạo mà phải khiêm tốn

+ Mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng nhiều hình thức khác nhau.

- **Thầy bói xem voi:** Mỗi người cần phải biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến của nhau nhằm đánh giá sự việc, sự vật một cách tổng thể, khách quan và chính xác nhất.

IV. Tổng kết

1. Nội dung

Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà huyênh hoang và khuyên chúng ta cần cố gắng mở rộng tầm hiểu biết, không được chủ quan, kiêu ngạo và đánh giá sự vật, hiện tượng một cách toàn diện, khách quan.

2. Nghệ thuật

- Tình huống bất ngờ hài hước kín đáo.
- Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với đời sống.
- Kể chuyện ngắn gọn, cách nói bằng ngụ ngôn, giáo huấn tự nhiên sâu sắc.
- Sử dụng từ láy, phép so sánh, nghệ thuật phóng đại.

VĂN BẢN 3.4: NHỮNG TÌNH HUỐNG HIỂM NGHÈO

I. Chuẩn bị đọc (sgk/36,37)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. **Thể loại:** truyện ngụ ngôn

2. **Tóm tắt truyện:**

3. **Đề tài:**

- **Hai người bạn đồng hành và con gấu:**

+ Đề tài: Tình bạn và tình người

+ Bài học: Đừng bao giờ đặt niềm tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn.

- **Chó sói và chiên con:**

+ Đề tài: Kẻ mạnh và chân lí

+ Bài học: Kẻ mạnh thường chà đạp chân lí, đạo lí một cách tàn bạo, bất công

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Tình huống truyện

+ **Hai người bạn đồng hành và con gấu:** Hai người bạn đang đi trong rừng thì một chú gấu nhảy ra vồ. Người bạn đi trước đã bỏ mặc người còn lại để leo lên cây. Người còn lại đã giả chết và thoát khỏi con gấu. (bộc lộ hành động “bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn” của một trong hai nhân vật)

+ **Chó sói và chiên con:** Một con suối đang đói bụng lại gặp chiên con ra suối uống nước, bèn bịa ra đủ lí do để ăn thịt chiên (bộc lộ lối “lí sự cùn” và sự tàn ác của “kẻ mạnh”)

2. Nhân vật

Diễn biến	Lời chó sói	Lời chiên con	Nhận xét
1	Sao dám làm đục nguồn nước uống của mình?	Chiên đang ở phía cuối dòng không thể làm đục phía đầu dòng.	Đối đáp cho thấy lời kết tội của sói là vô lí, chiên con vô tội.
2	Sao dám nói xấu sói năm ngoái?	Năm ngoái chiên chưa ra đời.	Đối đáp cho thấy lời kết tội của chó sói là bịa đặt.
3	Anh của chiên đã nói xấu sói	Chiên không hề có anh.	Đối đáp cho thấy lời kết tội của sói là vu khống.
4	Kẻ nào đó thuộc giống nhà chiên, giống chó, giống người,... đã nói xấu sói.	(Lập tức bị sói lôi vào rừng ăn thịt, “chẳng cầu đòi co”).	Lời kết tội vu vơ cuối cùng phơi bày dã tâm, bản chất của sói.

⇒ *Sự đối lập giữa hai nhân vật khiến người nghe, người đọc bất bình, căm ghét cái xã hội mà ở đó kẻ mạnh hiện thân cho cái ác hoành hành.*

3. Không gian, thời gian

Tên văn bản	Từ ngữ chỉ thời gian	Từ ngữ chỉ không gian	Nhận xét về không gian trong hai văn bản
<i>Hai người bạn đồng hành và con gấu</i>	đương, bấy giờ	Trong rừng, trong đám lá, trong cát, trên cây.	Không gian không được xác định, miêu tả cụ thể => Hướng đến bài học chung cho mọi người
<i>Chó sói và chiên con</i>	Tức khắc, năm ngoái, khi tôi còn chưa ra đời	Dòng suối trong, phía nguồn trên, rừng sâu.	

4. Bài học

- **Hai người bạn đồng hành và con gấu:** Đừng bao giờ đặt niềm tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn.
- **Chó sói và chiên con:** Kẻ mạnh thường chà đạp chân lí, đạo lí một cách tàn bạo, bất công.

III. Tổng kết

1. Nội dung

- Truyện Hai người bạn đồng hành và con gấu: Câu chuyện phê phán những người bỏ mặc bạn bè trong hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm, đồng thời đề cao sự thông minh và mưu trí của con người
- Truyện Chó sói và chiên con: bài học đáng quý về thói xấu trong xã hội.

2. Nghệ thuật

- Tình huống truyện độc đáo.
- Bố cục tác phẩm truyện mạch lạc.
- Các yếu tố truyện li kì, hấp dẫn.
- Sử dụng ngôn ngữ sắc bén, có tính thuyết phục.

I. Trải nghiệm cùng văn bản (SGK/40)

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Biện pháp tu từ

- Nói quá: châu chấu đá xe, đập ngã ông Đùng...
- Tác dụng: nhấn mạnh vấn đề và gây ấn tượng cho người đọc

2. Bài học văn bản 3: Bài học về sự khoe khoang

- Phê phán những kẻ thích khoe khoang mà không biết khuyết điểm của mình.
- Mỗi người đều có thể mạnh và điểm yếu riêng. Chúng ta không nên tự kiêu, coi thường người khác.

3. So sánh mục đích của truyện ngụ ngôn với ba văn bản lục bát

- **Điểm giống nhau:** giàu tính triết lí, các bài học thường được gợi ra từ một tình huống, một sự việc nào đó.
- **Điểm khác nhau:**
 - + truyện ngụ ngôn dù ngắn gọn vẫn có đầu có cuối, có sự phát triển của sự việc, câu chuyện, thái độ của người nói thường được bộc lộ gián tiếp thông qua việc kể chuyện;
 - + các văn bản lục bát 1 và 2: thái độ quan niệm của tác giả

III. Tổng kết

1. Nội dung

Tác giả muốn mượn hình ảnh của trăng, đèn, gió để nói về thái độ và cách ứng xử của con người trong cuộc sống. Mỗi người đều có những năng lực và thể mạnh riêng, ta không nên tự kiêu, so bì, cho mình là giỏi hơn và coi thường người khác vì mỗi người có điểm mạnh ở từng lĩnh vực khác nhau, có người này, người kia..

2. Nghệ thuật

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh
- Sử dụng các biện pháp ẩn dụ, nhân hóa làm nổi bật các sự vật trong các bài thơ.

Đọc mở rộng theo thể loại:

CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG

I. Trải nghiệm cùng văn bản (SGK / 43,44)

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Tóm tắt văn bản

2. Đặc điểm truyện ngụ ngôn qua văn bản Chân, tay, tai, mắt, miệng

Các yếu tố cần xem xét	Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong Chân, tay, tai, mắt, miệng
Đề tài	Bài học về tình đoàn kết, cộng đồng.
Sự kiện, tình huống	Cuộc tranh cãi giữa các nhân vật.
Cốt truyện	Cốt truyện đơn giản, bắt đầu bằng việc trình bày tình huống.
Nhân vật	Nhân vật hài hước, các bộ phận trên cơ thể người.
Không gian, thời gian	Tương đối

3. Bài học

Sai lầm trong cách đối xử của các nhân vật chân, tay, tai, mắt đối với lỗ miệng giúp em rút ra bài học về sự tính cộng đồng, xã hội trong cuộc sống.

III. Tổng kết

1. Nội dung

Bài học về lối sống tập thể mỗi người cần phải có trách nhiệm với mọi người, cộng sinh để cùng tồn tại, phải biết tôn trọng và cùng nhau xây dựng cuộc sống chung

2. Nghệ thuật

Xây dựng tình huống đặc sắc và hình tượng nhân vật ẩn tượng

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: DẤU CHẤM LŨNG

I. Tìm hiểu bài	II. Tri thức tiếng việt
1. VD1 SGK/33 - Bầm...quan lớn...đề võ mấy rồi! - Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung...	1. Khái niệm Dấu chấm lửng được kí hiệu bởi ba dấu chấm (...), còn gọi là dấu ba chấm, là một trong những loại dấu câu thường gặp trong văn viết.
2. VD2: SGK/33 a. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên... b. Bởi vì...bởi vì c. Tao biết mày phải...nhưng nó lại phải...bằng hai mày d. trại chúng tôi (...) e. Ồ...ó...o	2. Công dụng - Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp với dấu phẩy đứng trước nó. - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. - Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt. - Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.
	III. Thực hành tiếng việt Bài tập SGK/ 41, 42
	IV. Viết ngắn Viết một đoạn văn (khoảng 6-8 câu) nói về bài học mà em rút ra được từ một truyện ngụ ngôn, trong đó có sử dụng dấu chấm lửng.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ THẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT LỊCH SỬ HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ

I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

Xem SGK/45

II. Phân tích kiểu văn bản

Bài mẫu: Phân tích văn bản: “Thăm đền thờ Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang”

Yếu tố	Nội dung
Mở bài	Giới thiệu sự việc: lễ hội tưởng nhớ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực; không gian, thời gian diễn ra lễ hội
Thân bài	- Người viết thuật lại các sự việc, sự kiện + Thuật lại câu chuyện về người anh hùng Nguyễn Trung Trực, cảnh tượng đền miếu thờ... + Kể lại những công trạng của nhân vật, kể các sự việc và tác động của sự việc liên quan tới nhân vật lịch sử đối với người dân.
Kết bài	Khẳng định ý nghĩa của lễ hội, nêu cảm nhận của người viết
Người viết có sử dụng yếu tố miêu tả khi thuật lại sự kiện không	Kết hợp giữa tự sự và miêu tả

III. Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài: Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- a. Xác định đề tài
- b. Thu thập tư liệu

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- a. Tìm ý
- b. Lập dàn ý

Dựa vào phần tìm ý và sơ đồ trang 48 để lập dàn ý chi tiết cho bài văn

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Dựa vào bảng kiểm, Hs xem xét và điều chỉnh bài viết

NÓI VÀ NGHE: KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN

SỬ DỤNG VÀ THƯỜNG THỨC NHỮNG CÁCH NÓI THÚ VỊ

TRONG KHI NÓI VÀ NGHE

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

a. Đề tài: Kể lại truyện ngụ ngôn

- Một trong bốn truyện vừa học
- Một trong số các truyện ngụ ngôn Việt Nam
- Một trong số các truyện ngụ ngôn của Ê- dốp
- Một trong số các truyện ngụ ngôn của La Phông-ten

b. Mục đích: Kể lại truyện ngụ ngôn, vận dụng và thường thức những cách nói thú vị

c. Không gian, thời gian nói: Trong lớp học, ở gia đình...

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

a. Tìm ý

b. Lập dàn ý

Dựa vào phần tìm ý để triển khai thành dàn ý

Bước 3: Trình bày

- Tìm cách mở đầu và kết thúc sao cho hấp dẫn
- Lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với văn nói
- Nói to, rõ, hào hứng, tự nhiên
- Phân bố thời gian hợp lí

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

- Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài nói của mình và của bạn

ÔN TẬP

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

2. Ôn tập về đọc: Văn bản “Ếch ngồi đáy giếng”, “Thầy bói xem voi”, “Hai người bạn đồng hành và con gấu”, “Chó sói và chiên con”

2. Ôn tập về viết và nói: Kể lại 1 truyện ngụ ngôn ; Dấu chấm lửng

3. Ôn tập tổng quát:

II. LUYỆN TẬP

HS làm bài tập sách giáo khoa trang 53 vào vở bài tập.

BÀI 3: NHỮNG GÓC NHÌN VĂN CHƯƠNG (15 tiết)

VĂN BẢN 1: EM BÉ THÔNG MINH – NHÂN VẬT KẾT TINH TRÍ TUỆ DÂN GIAN

A. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN (SGK/55)

B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học
2. Mục đích và nội dung chính của văn bản nghị luận
3. Ý kiến lớn và ý kiến nhỏ trong văn bản nghị luận

I. Chuẩn bị đọc (sgk/ 56,57)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Thể loại: nghị luận

2. Bố cục: 3 phần

Phần 1: Từ “Kiểu truyện...nhân dân” – Giới thiệu về kiểu nhân vật thông minh

Phần 2: Tiếp theo cho đến lảng giếng” – Phân tích những lần thử thách của em bé thông minh.

Phần 3: Còn lại – Ca ngợi trí thông minh của nhân dân.

3. Tóm tắt văn bản

- Ý kiến lớn: Trong truyện *Em bé thông minh*, thông qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân.
- Ý kiến nhỏ 1: Thông qua thử thách đầu tiên
- Ý kiến nhỏ 2: Ở thử thách thứ hai và thứ ba
- Ý kiến nhỏ 3: Ở thử thách thứ tư

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	Biểu hiện trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian
Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận	“Trong truyện Em bé thông minh, thông qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân”.
Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm.	Đề cao trí tuệ nhân dân.
Bằng chứng	- Thử thách đầu tiên - Thử thách thứ hai và thứ ba - Thử thách thứ tư
Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.	- Ý kiến 1: Thông qua thử thách đầu tiên, tác giả dân gian đề cao sự thông minh trong ứng xử. - Ý kiến 2: Ở thử thách thứ hai và ba, tác giả dân gian muốn khẳng định sự bền bỉ của trí tuệ dân gian. - Ý kiến 3: Ở thử thách thứ tư, nhấn mạnh vị thế áp đảo của trí tuệ dân gian so với trí tuệ cung đình...

2. Những góc nhìn văn chương

- Tác giả dân gian đã tập trung ca ngợi trí thông minh của nhân dân qua nhân vật em bé thông minh.
- Tác giả dân gian muốn đề cao tầng lớp lao động, thể hiện sự tự hào về trí tuệ bình dân.
- Đồng thời, truyện cổ tích còn thể hiện một ước mơ muốn có được cuộc sống xứng đáng với trí tuệ của người dân.

VĂN BẢN 2: HÌNH ẢNH HOA SEN TRONG BÀI CA DAO

“TRONG ĐÀM GÌ ĐẸP BẰNG SEN”

(Theo Hoàng Tiến Tựu)

I. Chuẩn bị đọc (sgk/59,60)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Thể loại: nghị luận văn học

2. Bố cục: 3 phần

- P1: Từ đầu...Việt Nam: Giới thiệu bài ca dao, đưa ra nhận định về hình ảnh trong bài ca dao
- P2: Tiếp... trong sạch: Phân tích cách tác giả dân gian miêu tả vẻ đẹp của hoa sen qua từng câu và ý nghĩa của hình ảnh hoa sen trong bài ca dao
- P3: còn lại: Khẳng định vẻ đẹp ý nghĩa của hoa sen trong bài ca dao

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Vấn đề bàn luận:

Vẻ đẹp ý nghĩa của hình ảnh hoa sen trong bài ca dao **Trong đầm gì đẹp bằng sen.**

2. Giải quyết vấn đề

a. Các ý kiến trong văn bản

***Ý kiến lớn 1:** Vẻ đẹp của hoa sen được miêu tả một cách khéo léo tài tình.

+ **Ý kiến nhỏ 1:** Câu thứ nhất đã khẳng định vẻ đẹp tuyệt đối không gì sánh bằng của cây sen

+ **Ý kiến nhỏ 2:** Câu thứ 2: Miêu tả vẻ đẹp của từng bộ phận cụ thể để chứng minh câu 1

+ **Ý kiến nhỏ 3:** Câu thứ 3 là câu chuyển chuẩn bị cho câu kết

* **Ý kiến lớn 2:** Qua hình ảnh hoa sen tác giả dân gian đã gửi gắm những triết lý sâu sắc.

b. Lí lẽ, bằng chứng

- **Lí lẽ 1:** *Khẳng định và đề cao cây sen như vậy, nhưng bài ca dao không khiến người nghe người đọc, khó chịu*

+ Bằng chứng: Vì tác giả ... thuyết phục

- **Lí lẽ 2:** *Tác giả quan sát các bộ phận từ ngoài vào trong, rất tự nhiên, hợp lí.*

+ Bằng chứng: Từ “lá xanh” ... mới nở

- **Lí lẽ 3:** *Sự chuyển vần và thay đổi trật tự từ ngữ, hình ảnh được thực hiện khéo léo...nội dung lẫn hình thức.*

=> Cách triển khai các ý kiến, lí lẽ bằng chứng hợp lí thuyết phục, giúp người đọc dễ dàng tiếp nhận và nắm bắt lập luận của văn bản.

3. Kết thúc vấn đề

- Khẳng định tình cảm của người dân Việt Nam dành cho hoa sen.
- Hình tượng sen đã phản ánh trung thực lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam

4. Mục đích và nội dung

- **Mục đích:** Thuyết phục người đọc về vẻ đẹp và ý nghĩa đặc biệt của hình ảnh hoa sen trong bài.
- **Nội dung:** Miêu tả vẻ đẹp của hoa sen, khẳng định bài ca dao mang ý nghĩa triết lí nhân sinh gắn liền với nhau tạo nên giá trị muôn đời.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: BỨC THƯ GỬI CHÚ LÍNH CHÌ DỪNG CẢM

(Li-xơ-bớt-mon-to)

I. Trải nghiệm cùng văn bản (SGK/62,63)

II. Suy ngẫm và phản hồi

- 1. Tình cảm tác giả giành cho chú lính dừng cảm qua bức thư**
- 2. Bài học từ chú lính chì**
- 3. Em có đồng ý với kết thúc không có hậu? ý kiến của em**
- 4. Giới thiệu với các bạn về một nhân vật văn học để lại cho em ấn tượng sâu sắc**

III. Tổng kết

- 1. Nội dung**
- 2. Nghệ thuật**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:
NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG VÀ NGHĨA CỦA
NHỮNG TỪ CÓ YẾU TỐ HÁN VIỆT**

I. Tìm hiểu bài	II. Tri thức tiếng việt
1. <u>VD1</u> SGK/56	1. Khái niệm SGK/56
2. <u>VD2</u> SGK/56	2. Công dụng SGK/56.
3. <u>VD3</u> SGK/56	III. Thực hành tiếng việt Bài tập SGK/ 64
4. <u>VD1</u> SGK/56	IV. Vận dụng

Đọc mở rộng theo thể loại:

SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN NGẮN “ CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG”

I. Trải nghiệm cùng văn bản (SGK / 65,66)

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

2. Chỉ ra những đặc điểm của văn bản nghị luận

Kẻ bảng vào vở (sgk/67)

III. Tổng kết

1. Nội dung

2. Nghệ thuật

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

Xem SGK/67

II. Phân tích kiểu văn bản

Bài mẫu: Phân tích văn bản: “Phân tích đặc điểm nhân vật Bơ-mơn trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng”

Yếu tố	Nội dung
Mở bài	Giới thiệu sự việc nhân vật và nêu ý kiến về đặc điểm của nhân vật
Thân bài	- Giới thiệu thông tin về tác giả về tác phẩm - Nêu ý kiến của người viết về đặc điểm thứ nhất và thứ hai của nhân vật... - Nêu những trích dẫn từ truyện để tăng sức thuyết phục - Phân tích bàn luận dẫn chứng để làm rõ đặc điểm nhân vật

Kết bài	Khẳng định lại ý kiến về đặc điểm nhân vật, nêu cảm nghĩ về nhân vật
Người viết có sử dụng yếu tố miêu tả khi thuật lại sự kiện không	Kết hợp giữa tự sự và miêu tả

III. Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài: Em hãy viết bài văn (Khoảng 400 đến 500 chữ) phân tích đặc điểm một nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc)

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- a. Xác định đề tài
- b. Thu thập tư liệu

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- a. Tìm ý
- b. Lập dàn ý

Dựa vào phần tìm ý và sơ đồ trang 71 để lập dàn ý chi tiết cho bài văn

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm (shk/72)

- Dựa vào bảng kiểm, Hs xem xét và điều chỉnh bài viết

THẢO LUẬN NHÓM VỀ VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI

I. Các thao tác tóm tắt: (SGK/72, 73)

Bước 1: Chuẩn bị

- Thành lập nhóm và phân công công việc
- Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận
- Thống nhất mục tiêu và thời gian buổi thảo luận

Bước 2: Thảo luận

- Trình bày ý kiến (Theo sơ đồ sgk/ 74)
- Phản hồi các ý kiến
- Thống nhất các ý kiến

II. Thực hành tóm tắt ý chính do người khác trình bày

Hs thực hành

ÔN TẬP

HS làm bài tập sách giáo khoa trang 75 vào vở bài tập.

BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN

VĂN BẢN 1: CỎM VÒNG

A. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN (SGK/76/77)

1. Tản văn và tùy bút
2. Mạch lạc trong văn bản: đặc điểm và chức năng

B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. Chuẩn bị đọc (SGK/78,79)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Vũ Bằng (sgk/81)
2. Tác phẩm: SGk/ 81

- **Xuất xứ:** trích từ tập *Miếng ngon Hà Nội* (xuất bản đầu năm 1960)
- **Thể loại:** tùy bút

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Tình cảm, cảm xúc của tác giả

- Tình cảm yêu quý, trân trọng, trù mến, nâng niu từng hạt cốm.

2. Chất trữ tình trong văn bản

- Phương thức biểu đạt chủ yếu là miêu tả và biểu cảm, hài hoà giữa vẻ đẹp tự nhiên và con người.
- Cảm xúc dành cho cô gái làng Vòng gánh cốm đi bán.
- Cảm xúc khi miêu tả thành phần cốm.

□ Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả bộc lộ trực tiếp, sinh động, như hoà quyện với hương vị thơm mát thanh khiết của tự nhiên, với nét đẹp mộc mạc mà nên thơ của đất trời.

3. Cái tôi của tác giả

- Cách nhìn mới mẻ của Vũ Bằng
- Tác giả có tâm hồn phong phú, sâu sắc, tinh tế.
- Chủ đề văn bản: sự trân trọng của tác giả đối với cốm và đối với văn hoá của dân tộc cũng như cách sống đẹp, giàu văn hoá của người Hà Nội.

III. Tổng kết

1. Nội dung

2. Nghệ thuật

VĂN BẢN 2:

MÙA THU VỀ TRÙNG KHÁNH NGHE HẠT DẺ HÁT

Y phương

I. Chuẩn bị đọc (sgk/ 82,83)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Y Phương (sgk/85)

2. Tác phẩm (sgk/85)

a. Thể loại: tản văn.

b. Sản vật: hạt dẻ.

III. Suy ngẫm và phản hồi.

1. Nhan đề.

- *Mùa thu* -> Mùa có thời tiết đẹp, mùa hạt dẻ chín.
- *Về*: trở về, tình cảm thân thương.
- *Nghe hạt dẻ hát*: nghệ thuật nhân hóa, hạt dẻ là sản vật là niềm hạnh phúc, tự hào của người dân Trùng Khánh.

□ **Gợi tả về lòng tự hào về quê hương với sản vật đặc trưng quý giá.**

2. Tình cảm, cảm xúc của tác giả.

- Sự say mê, tự hào của tác giả đối với hạt dẻ, rừng dẻ.

3. Chất trữ tình trong văn bản

- Sự trù phú của Trùng Khánh.
- Cuộc sống con người và thiên nhiên đất trời hoà quyện, yên bình, đẹp đẽ và thơ mộng.

4. Cái tôi của tác giả

- Cái tôi tinh tế, độc đáo, mới lạ chứa đựng sự nhạy cảm với sự rung động về cảnh vật thiên nhiên.

=> **Chủ đề văn bản: Tình cảm say mê, tự hào của tác giả đối với hạt dẻ, rừng dẻ và tình yêu quê hương của ông.**

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

THU SANG

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Đỗ Trọng Khơi

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ: In trong Tuyển tập thơ Việt Nam 1975-2000

b. Thể loại: thơ lục bát.

II. Suy ngẫm và phản hồi.

1. Bức tranh thiên nhiên lúc “thu sang”.

- Bức tranh thu sang có sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc và âm thanh.
- Ta có thể thấy được rõ nét vẻ đẹp của mùa thu với sự sinh động, có hồn và tràn ngập sức sống.

2. Tình cảm của tác giả dành cho thiên nhiên

Qua các từ ngữ và hình ảnh kiệt sức hè, rộ lá thu sang, ngậm mảnh trăng vàng, rong chơi,... Tình cảm của tác giả được thể hiện gián tiếp qua cách miêu tả thiên nhiên.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN
NGÔN NGỮ CỦA CÁC VÙNG MIỀN**

I. Tri thức Tiếng Việt

1. Sự mạch lạc của văn bản

- Mạch lạc trong văn bản là các câu, các ý, các phần, các đoạn trong văn bản đều phải hướng về một sự thống nhất, một ý hay một chủ đề nào đó.

2. Cách xây dựng tính mạch lạc trong văn bản

- Chú trọng tính mạch lạc của văn bản qua mạch chảy chính.

3. Từ ngữ địa phương

- Từ ngữ địa phương là những từ ngữ chỉ được dùng trong phạm vi một hoặc một số địa phương nhất định.

II. Thực hành Tiếng Việt

Bài tập 3:

Văn bản *Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát* đề cập đến rất nhiều vấn đề như: miêu tả hạt dẻ, cốm hạt dẻ, rừng cây mùa thu, du lịch Trùng Khánh, con người ở quê sống lâu và hiền hoà,... nhưng đều xoay quanh một vấn đề trung tâm là hạt dẻ và rừng Trùng Khánh, món quà mà thiên nhiên ban tặng vào mùa thu, có nhiều công dụng và lợi ích đối với cuộc sống của con người. Vì thế, VB đảm bảo tính mạch lạc.

III. Viết ngắn

Đoạn văn biểu cảm trực tiếp kết hợp biểu cảm gián tiếp:

ĐỌC MỞ RỘNG:

MÙA PHƠI SÂN TRƯỚC – NGUYỄN NGỌC TƯ

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Nguyễn Ngọc Tư

2. Tác phẩm

a. Thể loại: tản văn; PTBD: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

b. Mạch cảm xúc:

- + Mở đầu văn bản là là khung cảnh thiên nhiên quanh con đường quê.
- + Khung cảnh thiên nhiên của Mùa Chạp.
- + Khung cảnh giàn phơi, ép chuối,
- + Khung cảnh nhớ lại những món ăn ngon.

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Cảm xúc của nhân vật trữ tình

□ *Nhớ nhung, thêm thương những món ăn mang hương vị quê nhà, thương những mảnh đời nghèo khó*

=> *Tình yêu quê hương sâu nặng*

2. Chất trữ tình trong văn bản

- Nỗi nhớ của mình về "mùa phơi sân trước"
- Sử dụng các từ ngữ miêu tả đã khiến cho quang cảnh thiên nhiên, các sự vật, sự việc trở nên gần gũi và thân thuộc hơn.

3. Cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản

- Cái tôi có góc nhìn bao quát về những điều xảy ra trong thời tuổi thơ của mình.
- bộc lộ được những tình cảm, cảm xúc của mình
- Chủ đề của văn bản: những kỉ niệm tuổi thơ ủa về về "mùa phơi sân trước".

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật

- Câu chữ đơn giản mà lại đẹp lạ thường
- Cái tôi tinh tế, nhạy cảm và giàu tình yêu thương, trân trọng những kỉ niệm đẹp để thời ấu thơ của mình

2. Nội dung

Văn bản là một văn bản văn xuôi ngắn gọn, mang tính trữ tình, tự sự, miêu tả sâu sắc về những kỉ niệm đẹp để của tác giả trước mùa phơi sân trước. Qua văn bản, tác giả bộc lộ trực tiếp tình cảm yêu mến, suy nghĩ vấn vương về những kỉ niệm nơi đây

VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI, SỰ VIỆC

I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

Xem SGK/90

II. Phân tích kiểu văn bản

Bài mẫu: Phân tích văn bản: “ Cảm nhận về lễ đón giao thừa quê tôi”

Yếu tố	Nội dung
Mở bài	Giới thiệu và biểu lộ cảm xúc chung của người viết về đối tượng (sự việc)
Thân bài	- Trình bày các cảm xúc về đối tượng - Kết hợp với các yếu tố tự sự để lí giải cảm xúc - Kết hợp với các yếu tố miêu tả để lí giải cảm xúc
Kết bài	Khẳng định lại cảm xúc, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân

III. Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài: Em hãy viết bài văn (Khoảng 400 đến 500 chữ) phân tích đặc điểm một nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc)

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Xác định đề tài
- Thu thập tư liệu

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Tìm ý
- Lập dàn ý

Dựa vào phần tìm ý và sơ đồ trang 93 để lập dàn ý chi tiết cho bài văn

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm (shk/93)

- Dựa vào bảng kiểm, Hs xem xét và điều chỉnh bài viết

ÔN TẬP**1. Tóm tắt đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút**

Các đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút:

- Chất trữ tình trong thể loại tản văn, tùy bút:
- Cái tôi trong tản văn, tùy bút:
- Ngôn ngữ tản văn, tùy bút:

2. Ôn lại các văn bản đã học

Văn bản	Chủ đề	Dấu hiệu nhận biết cái tôi của người viết	Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản
Cốm Vòng	Nói về Cốm làng Vòng - Một thức quà của lúa non, đặc biệt nhất trong lòng Hà Nội.	Sử dụng ngôi thứ nhất làm nhân xưng	- Ăn miếng cốm cho ra miếng cốm; tỏ ra một chút gì thanh lịch, cao quý; tiếc từng hạt rơi, hạt vãi; ăn từng chút một; nhón từng chút một; nhai nhỏ nhẹ; ngẫm nghĩ tính chất thơm, tính chất ngọt của cốm; ăn một miếng cốm vào miệng là nuốt hương thơm của cánh đồng quê. - Một ngày đầu tháng Tám, quê hương làm cho ta nhẹ nhõm và đôi khi...phơi phới. - Ta vừa nhai nhỏ nhẹ, ... ta sẽ thấy rằng ăn một miếng cốm vào miệng là ta nuốt cả hương thơm của những cánh đồng quê của ông cha ta vào lòng.

Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát	Hạt dẻ Trùng Khánh vào mùa thu dưới cái nhìn đầy tự hào của người con nơi quê hương mình.	Sử dụng ngôi thứ nhất làm nhân xưng	- Trên khắp đất nước ta, không đâu có giống mắ lịch ngon ngọt và thơm bùi như ở Trùng Khánh. - Cái đó thì ...vườn. - Cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân. - Hạt dẻ rơi rơi như mưa màu nâu. Đó là bản nhạc mùa thu ở quê tôi không thể nào quên. - Đó là điểm du lịch mang màu sắc, hương vị của tình yêu
Mùa phơi sân trước	Những kỉ niệm tuổi thơ ủa về về "mùa phơi sân trước"	Sử dụng ngôi thứ nhất làm nhân xưng	- Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra Giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa tộp miếng trà, hoặc ngào qua với khóm, me,...đem dầm nước đá uống cũng ngon thấu trời. - Vậy là nước miếng mình ứa ra, trên từng mét đường về nhà ngoại. - Tâm hồn mệt mỏi với những món ăn cực kì mời gọi trong sân thiên hạ....

3. Cảm nhận về cái tôi của người viết trong văn bản “Cổm Vòng” và “Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát” .

Văn bản	Cảm nhận cái “tôi” của người viết
Cổm Vòng	-Cái tôi của tác giả Vũ Bằng tinh tế, sâu sắc, có chiều sâu về văn hóa.
Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát	- Cái tôi của tác giả Y Phương mộc mạc, chân chất; đồng thời lại rất giàu kinh nghiệm sống và tính triết lí về nhân sinh.

TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN BẢN THÂN

(Văn bản thông tin)

Văn bản 1: CHÚNG TA CÓ THỂ ĐỌC NHANH HƠN

Adam Khoo

A. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN (SGK/97)

1. Kiểu văn bản thông tin:

- Nội dung
- Mục đích, ý nghĩa
- Bố cục

2. Cấu trúc văn bản thông tin:

- Thông tin cơ bản
- Chi tiết trong văn bản thông tin
- Cước chú
- Tài liệu tham khảo

A. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (SGK/98)

I. Chuẩn bị đọc (sgk/98)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả:(SGK/98)

2. Trải nghiệm cùng văn bản

a. Thẻ loại:

b. Xuất xứ:

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Cấu trúc văn bản thông tin:

a. Thông tin cơ bản

- *Nhan đề*: ngắn gọn, kiểu câu hỏi, thể hiện nội dung chính văn bản.
- *Sa-pô*: làm theo lời khuyên và hướng dẫn của tác giả Adam Khoo để có thể đọc nhanh hơn và nắm bắt thông tin hiệu quả hơn.

b. Thông tin chi tiết

- 6 đề mục, 6 phương pháp đọc sách
- Hình ảnh minh hoạ 1, 2, 3

- Cước chú ở chân trang giải thích nhan đề văn bản, giải thích sự khác biệt giữa đọc thầm và đọc bằng mắt.
- Tài liệu tham khảo ở cuối văn bản trích 6 nguồn tài liệu.

2. Kiểu văn bản thông tin:

- *Nội dung*: Văn bản giới thiệu quy tắc, cách thức nâng cao tốc độ đọc, hoạt động đọc sách
- *Mục đích, ý nghĩa*: giúp người đọc biết phương pháp, kỹ năng đọc sách tăng hiệu quả nắm bắt thông tin
- *Bố cục*: Các phần, đề mục rõ ràng, các thông tin được trình bày đầy đủ, ngắn gọn, dễ hiểu kèm theo hình ảnh minh họa cụ thể.

3. Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích, giữa các thông tin trong văn bản

- Bố cục với đề mục rõ ràng, kết hợp với hình ảnh minh họa giúp nắm bắt nội dung có hệ thống dễ dàng hơn.
- Thông tin cơ bản ngắn gọn, rõ ràng, trọng tâm.

Văn bản 2:

CÁCH GHI CHÉP ĐỂ NẮM ĐƯỢC NỘI DUNG BÀI HỌC

– DU GIA HUY –

I. Chuẩn bị đọc (sgk/ 102)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Du Gia Huy

2. Tác phẩm

a. Thể loại: văn bản thông tin

b. Xuất xứ: In trong Bí kíp ghi chép hiệu quả, Di Huân minh họa, Thiện Minh dịch

c. Bố cục: 2 phần

+ Phần 1 (từ đầu đến “một trong các cách sau đây”): Giới thiệu về ghi chép

+ Phần 2 (còn lại): Các cách ghi chép hiệu quả

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Kiểu văn bản thông tin:

- Mục đích văn bản: hướng dẫn học sinh cách ghi chép khoa học để nắm bắt thông tin văn bản nhanh nhất.

- Thông tin cơ bản của văn bản trên: hướng dẫn cách ghi chép thông tin nhanh và nắm thông tin hiệu quả.

2. Giới thiệu về ghi chép (SGK/102)

3. Các cách ghi chép hiệu quả

- Lập ra quy tắc ghi chép: chia rõ các phần
- Học cách tìm nội dung chính
- Phân tích và đối chiếu: thiết lập mối liên hệ giữa các trọng tâm bài học

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:

BÀI HỌC TỪ CÂY CAU

(Nguyễn Văn Học)

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Nguyễn Văn Học

2. Tác giả

a. Thể loại: truyện ngắn

b. Xuất xứ: Trích Trò chuyện với hàng cau, Báo Quân đội nhân dân, 9/4/20

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Lời hỏi - đáp giữa các nhân vật với nhau và với hàng cau

Các cuộc hỏi - đáp	Hỏi	Đáp
Giữa “ông” với “bố”	“Nhìn lên cây cau con thấy điều gì?”	“Con thấy bầu trời xanh”
Giữa “ông” với “tôi”	“Nhìn lên cây cau cháu thấy điều gì?”	“Cháu thấy bài học làm người ngay thẳng. Đó là triết lí của ông phải không ạ?”
Giữa “tôi” với “ông”	“Vậy nhìn lên cây cau, ông đã thấy gì ạ?”	“Ông thấy tương lai tươi đẹp của dòng họ ta”

Giữa “tôi” với hàng cau	1. “Ồ trên đó cau có gì vui?” 2. “Cau có thấy bầu trời cao rộng?”	1. Từ trên những tàu cau một đàn chim xòe cánh bay ra. 2. Những tàu cau đựng dừa, tạo ra âm thanh xào xạc.
----------------------------	--	---

2. Vai trò của cây cau trong việc thể hiện chủ đề truyện:

- Khởi gợi mỗi người trong gia đình của nhân vật "tôi" "một cách nghĩ", "một cách sáng tạo, cách sống và làm việc.
- Nhân vật xưng "tôi" trò chuyện với hàng cau cũng chính là trò chuyện với chính mình
- Chủ đề truyện: *Mỗi người một cách nghĩ, một “sự thấy” khác nhau. Điều đó làm nên sự đa tính cách, khác biệt của mỗi người ...*

3. Bài học từ cây cau và thông điệp của văn bản:

- Làm người phải trung thực, thẳng thắn, có lòng tự trọng.
- Chúng ta cần biết lắng nghe, tích lũy kinh nghiệm trên cơ sở chọn lọc để phát triển bản thân đúng cách, hiệu quả

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

THUẬT NGỮ

I. Tìm hiểu bài	II. Tri thức tiếng việt
1. VD1: a. Lực là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác. -> Khoa học tự nhiên b. Xâm thực là làm hủy hoại dần dần lớp đất đá phủ trên mặt đất do các tác nhân: gió, băng hà, nước chảy,...----> Địa lí c. Di chỉ là nơi có dấu vết cư trú và sinh sống của người xưa. -> Lịch sử	1. Khái niệm (SGK/97) Thuật ngữ là những từ, ngữ biểu thị các khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản thông tin thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và văn bản nghị luận.
2. VD2 a. Lực là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác. b. Di chỉ là nơi có dấu vết cư trú và sinh	2. Đặc điểm - Mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.

sống của người xưa. => Không thể thay thế từ “lực” bằng từ “di chỉ”. c. Muối là một hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít => Muối là một thuật ngữ KHTN, không có sắc thái biểu cảm	- Thuật ngữ không có tính biểu cảm.
3. VD3 a. Nếu được làm <u>hạt giống</u> để mùa sau Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa Vui gì hơn làm người lính đi đầu Trong đêm tối, tim ta làm ngọn lửa. -> Có tính biểu cảm --> biểu thị một ẩn ý trong văn chương hoặc trong đời thường. b. Hãy chọn những hạt to, chắc, mọng sẽ để làm <u>hạt giống</u>. -> Không có tính biểu cảm --> biểu thị trong môn sinh học. => Từ ngữ giống nhau nhưng chức năng nhau.	3. Chức năng Thuật ngữ được dùng để biểu thị các khái niệm khoa học công nghệ.
	III. Thực hành Bài tập SGK/107

hamhochoi.vn
ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI
PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC

Nguyễn Trọng An

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Nguyễn Trọng An

2. Tác phẩm

a. Thể loại: Văn bản thông tin

b. Xuất xứ: Trích trong Cẩm nang phòng tránh đuối nước – NXB Kim Đồng năm 2019

c. Bố cục: 4 phần (4 đề mục)

II. Suy ngẫm và phản hồi

Điều khoản	Phần nêu tên hay tóm tắt điều khoản	Giải thích điều khoản
	Không bơi sau khi ăn	Bởi như thế rất có hại cho dạ dày
	Kiểm tra lại độ sâu	Hầu hết những tổn thương ở vùng cổ hay lưng thường do những cú nhảy bổ nhào hoặc lặn dưới hồ có mực nước cạn
	Chỉ bơi ở những nơi an toàn, cho phép bơi lội	Khó mà biết được dưới mặt nước hiện hòa ki ẩn chứa những hiểm họa gì
	Không bơi lội một mình nơi vắng vẻ	Sẽ không ai cứu khi gặp tình huống nguy hiểm dù bơi giỏi
	Không bơi khi quá nóng và mệt	Môi trường nước có thể làm thân nhiệt hạ xuống đột ngột hoặc khiến mất sức nhiều hơn
	Không nên bơi lội trong vùng nước dơ bẩn hay bùn lầy	Không thể nhìn thấy được dưới đáy nước và có thể bị mắc các bệnh ngoài da, ngứa ngáy khắp người
	Không vừa ăn, vừa bơi	Tránh sặc nước
	Không bơi khi người có nhiều mồ hôi hoặc vừa đi ngoài nắng về	Dễ bị cảm

	Lên bờ ngay khi trời tối có sấm chớp và mưa	
--	---	--

VIẾT:

**VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH:
VỀ MỘT QUY TẮC HAY LUẬT LỆ TRONG HOẠT ĐỘNG**

I. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Xem SGK/112

II. Phân tích kiểu văn bản

Bài mẫu:Thuyết minh về một quy tắc trong hoạt động dã ngoại (có cắm trại) ở địa bàn rừng núi

Yếu tố	Nội dung
Mở đầu	Nêu tên hoạt động, lí do giới thiệu quy tắc hoạt động
Phần chính	- Nêu bối cảnh cụ thể cần áp dụng quy tắc hoạt động - Nêu và thuyết minh điều khoản thứ nhất trong quy tắc hoạt động - Nêu và thuyết minh điều khoản thứ hai trong quy tắc hoạt động - Nêu và thuyết minh điều khoản ba trong quy tắc hoạt động - Thuyết minh cụ thể hơn về cách thực hiện quy tắc hoạt động - Nêu và thuyết minh điều khoản thứ 4 (cuối cùng trong quy tắc hoạt động)
Kết thúc	Khẳng định lại các quy tắc, nhận định về độ tin cậy, ý nghĩa thực tế của quy tắc hoạt động

III. Hướng dẫn quy trình viết**Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**

a. Xác định đề tài

b. Thu thập tư liệu

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

a. Tìm ý

b. Lập dàn ý

Dựa vào phần tìm ý và sơ đồ trang 93 để lập dàn ý chi tiết cho bài văn

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm (shk/93)

- Dựa vào bảng kiểm, Hs xem xét và điều chỉnh bài viết

NÓI VÀ NGHE:

GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

1. Bước 1: Chuẩn bị nội dung nói

- Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).
- Xem lại dàn ý ở phần Viết.
- Bổ sung các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.
- Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,... cho phù hợp với sự việc, cảm xúc trong chuyện đi.

2. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Đọc lại bài văn đã viết.
- Xác định các ý.
- Liệt kê các ý bằng cách gạch đầu dòng, ghi các cụm từ chính.

3. Bước 3: Luyện tập và trình bày

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói; chú ý sử dụng những từ ngữ chỉ thứ tự trình bày các bước, thao tác của hoạt động.
- Dùng câu nói để khích lệ người nghe thực hiện trò chơi hay hoạt động: tôi tin rằng, các bạn sẽ dễ dàng thực hiện hoạt động, một là, hai là...
- Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói.

- Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, thao tác liên quan đến trò chơi hay hoạt động
- Sử dụng các phương tiện trực quan minh họa như hình ảnh, sơ đồ, phim ngắn...
- Nêu câu hỏi để lôi cuốn người nghe tham gia tương tác

4. Bước 4: Trao đổi, đánh giá

ÔN TẬP

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Ôn tập về đọc: Văn bản “*Chúng ta có thể đọc nhanh hơn?*”, “*Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học*”, “*Phòng tránh đuối nước*”.

2. Ôn tập về viết và nói:

3. Ôn tập tổng quát:

II. LUYỆN TẬP

HS làm bài tập sách giáo khoa trang vào vở bài tập.

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

I. ĐỌC VÀ TIẾNG VIỆT (SGK/121,122, 123)

II. VIẾT, NÓI VÀ NGHE (SGK/ 124)

**BẢNG HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG VIẾT
SGK/ 125**

VĂN BẢN 1: TỰ HỌC – MỘT THÚ VUI BỒ ÍCH

Nguyễn Hiến Lê

A. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN(SGK/5)

1. Khái niệm văn bản nghị luận: sgk

2. Đặc điểm văn bản nghị luận: sgk

B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. Chuẩn bị đọc (sgk/6

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả:(SGK/8)

2. Tác phẩm

a. Thể loại: văn nghị luận

b. Xuất xứ: Trích từ tác phẩm *Tự học – một nhu cầu thời đại*

c. Bố cục: 2 phần

+ Nêu vấn đề: Từ đầu -> ...*một cái thú*.

+ Giải quyết vấn đề: Còn lại

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Nêu vấn đề

- Văn bản được viết ra để thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học.

=> *Nêu vấn đề trực tiếp, ngắn gọn, xúc tích*

2. Giải quyết vấn đề

a. Ý kiến 1: *Thú tự học giống thú đi bộ*

- Lí lẽ: Tự học giúp người học hình thành tri thức một cách tự chủ, tự do

- Dẫn chứng: Biết được viên *Dạ Minh Châu*, khúc *Nghệ thường vũ y*, kiến thức về côn trùng...

b. Ý kiến 2: *Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh âu sầu*

- Lí lẽ: Việc đọc sách giúp ta cảm thấy đồng cảm, an ủi

- Bằng chứng: Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn, quá trình đọc sách của *Mon-ti Mông-te-xki-ơ*

c. Ý kiến 3: *Tự học là thú vui tao nhã giúp nâng tầm tâm hồn ta lên*

- Lí lẽ: Tự học giúp ta tiến bộ, có thể cống hiến cho xã hội

- Bằng chứng:

+ Thầy kị, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề, cống hiến -> những người tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống -> khẳng định dù bất kì ai chỉ cần tìm tòi, học tập thì sẽ tiến bộ và có thể cống hiến cho xã hội

+ Những tấm gương nhà khoa học tự học...

-> những người có sức ảnh hưởng

=> Nhiều người biết, đáng tin cậy, số đông thừa nhận nên những bằng chứng này có tác dụng làm rõ cho ý kiến của người viết, dễ dàng được người đọc tin tưởng, tiếp nhận.

3. Bài học

- Tự học hiệu quả:

+ Lập kế hoạch và mục tiêu cho việc tự học

+ Lựa chọn môn học yêu thích, học xen kẽ các môn yêu thích và môn không thích

+ Đặt thời gian học từ ít đến nhiều

+ Tham gia vào nhóm, câu lạc bộ tự học để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm

+ Chọn cách ghi nhớ riêng: viết lại nhiều lần trên giấy, vẽ sơ đồ hệ thống, đọc to, đọc thầm...

+ Kỷ luật khi học

+ Thường xuyên tự kiểm tra kiến thức và ôn lại

VĂN BẢN 2: BÀN VỀ ĐỌC SÁCH

Chu Quang Tiềm

I. Chuẩn bị đọc (sgk/9)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Chu Quang Tiềm

2. Tác phẩm:

a. Thể loại: văn nghị luận

b. Xuất xứ: In trong “Danh nhân TQ bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách”

c. Bố cục: 3 phần

+ Từ đầu ... “làm kẻ lạc hậu”: Tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách

+ Tiếp ... “Những cuốn sách cơ bản”: Các khó khăn, thiên hướng sai lệch khi đọc sách

+ Còn lại: Phương pháp đọc sách

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Bàn về đọc sách

a. **Mục đích của văn bản:** Thuyết phục người đọc về 2 vấn đề:

- Tầm quan trọng của việc đọc sách.
- Sự cần thiết của việc đọc sâu, nghiên cứu kỹ khi đọc.

b. **MQH giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB**



=> *Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí*

2. Bài học

- Đọc sau, đọc kỹ
- Có kĩ năng đọc nhanh, đọc lướt
- Cần xác định mục tiêu đọc để có cách đọc hiệu quả.

Đọc kết nối chủ điểm

TÔI ĐI HỌC

(Thanh Tịnh)

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. **Tác giả:** Thanh Tịnh

2. **Tác phẩm**

a. **Thể loại:** Truyện ngắn

b. **Xuất xứ:** in trong Tổng hợp Văn học Việt Nam

c. **Bố cục:** 3 phần

- + Đoạn đầu (từ đầu đến “trên ngọn núi”): Tâm trạng nôn nao, háo hức về kỉ niệm ngày tựu trường đầu tiên.
- + Đoạn thứ hai (tiếp theo đến “tôi cũng lấy làm lạ”): Tâm trạng nhân vật “tôi” và khung cảnh ở sân trường làng trong ngày khai trường.
- + Đoạn cuối (phần còn lại): Cảm xúc của nhân vật “tôi” khi bước vào lớp đón nhận giờ học.

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Diễn biến tâm trạng của nhân vật tôi

a. Cảm xúc suy nghĩ của nhân vật “tôi”

- Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.
- > So sánh cảm xúc khi nhớ về buổi tựu trường – “cành hoa...đăng” => diễn tả niềm vui, sự náo nức trong tâm hồn của nhân vật “tôi” khi nhớ lại những kỉ ức mơn man của buổi tựu trường.
- Ý nghĩ thoáng qua ấy trong trí óc thôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.
- => diễn tả những suy nghĩ thoáng qua mơ hồ đầy non nớt của nhân vật tôi khi lần đầu tiên đi học, với đầy những bờ ngổ.

b. Diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi”

- Không còn bờ ngổ, sợ sệt, mà cảm thấy mọi thứ trong lớp học thân quen, quyền luyến.
- Sự thay đổi tâm trạng ấy là do
- + thầy giáo đón tiếp các em HS một cách ân cần, nhiệt tình, cách bài trí lớp học, bàn ghế.
- + bạn bè rất ấm áp thân thiện khiến nhân vật “tôi” cảm thấy yên tâm, quyền luyến, quen thuộc.

2. Ý nghĩa nhan đề: Gợi nhắc cột mốc quan trọng của đời người, ngày đầu tiên đi học với sự trân trọng, nâng niu.

- Kết nối:

- + Đi học là quá trình trau dồi kiến thức trau dồi kiến thức, trí tuệ và vận dụng nó vào cuộc sống xã hội.
- + Tự học giúp ta nhớ lâu và bổ sung kiến thức còn thiếu ở nhà trường.

+ Đọc sách nâng cao kiến thức, kỹ năng, phát triển tư duy, rèn luyện nhân cách con người.

Thực hành tiếng việt:

LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN: ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG

I. Tìm hiểu bài	II. Tri thức tiếng việt
	1. Khái niệm liên kết: là 1 trong những tính chất quan trọng của văn bản, có tác dụng làm cho văn bản trở lên mạch lạc, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức.
	2. Đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết: + Nội dung các câu các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau. + Các câu, các đoạn được kết nối với nhau bằng các phép liên kết phù hợp.
Ví dụ: SGK/5 a. Khi đọc <i>sách</i>, ta thấy trong nỗi buồn khổ, ...Bất kì ta ở 1 tình thế khắt khe, chua chát nào, mở <i>sách</i> ra là ta cũng gặp... -> phép lặp b. <i>Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay</i> đều là thành quả ...<i>Các thành quả đó</i> sẽ dĩ không bị vùi lấp đi... -> phép thế c. Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, ...<i>Bởi vì học vấn</i>... -> phép nối d. Hơn nữa, tự học quả là một <i>phương thuốc</i>	3. Một số phép liên kết: + Phép lặp từ ngữ + Phép thế + Phép nối + Phép liên tưởng * <u>Lưu ý</u> : Phép liên kết câu phải được thực hiện ít nhất ở hai câu. Trong một câu thì không gọi là phép liên kết mặc dù vẫn có tác dụng liên kết.

<i>trị bệnh âu sầu.</i> Theo <i>bác sĩ</i> E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những <i>bệnh nhân</i> nào biết đọc sách cũng mau <i>khỏe mạnh</i> hơn những bệnh nhân khác. <i>-> phép liên tưởng</i>	
	III. Thực hành HS làm bài tập SGK/14,15

Đọc mở rộng theo thể loại

ĐỪNG TỪ BỎ CỐ GẮNG

(Trần Thị Cẩm Quyên)

I. Ôn tập tri thức ngữ văn

Hs xem SGK/5

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Các yếu tố nghị luận trong VB “Đừng từ bỏ cố gắng”

Vấn đề cần bàn luận:

“Đừng từ bỏ cố gắng”

Ý kiến: Trong cuộc sống con người luôn phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại; muốn thành công phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình; rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

Lí lẽ + bằng chứng:

- Lí lẽ: Thành công bắt đầu từ những khó khăn, thất bại hàng vạn lần. Kiên trì nỗ lực theo đuổi ước mơ sẽ tôi luyện bản lĩnh, mở rộng tầm nhìn, trưởng thành hơn.

- Bằng chứng:

+ Thơ-mát Ê-đi-sơn từng bị đánh giá là “dốt đến mức không học được bất cứ thứ gì”, trải qua nhiều thất bại trước khi phát minh ra dây tóc bóng đèn - phát minh mang kỉ nguyên ánh sáng cho nhân loại.

+ Nịch Vu-chi-xích khiếm khuyết từ chi có thể lợi, lướt ván, trở thành nhà diễn thuyết nổi tiếng, là người truyền cảm hứng cho nhiều người vươn tới cuộc sống không giới hạn.

=> Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí

2. Mục đích của văn bản: thuyết phục người đọc hiểu được trong cuộc sống luôn có những khó khăn, thử thách và thất bại nhưng con người cần phải nỗ lực, có ý chí và niềm tin ắt sẽ thành công.

Viết:

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

I. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Xem SGK/17

II. Phân tích kiểu văn bản

Bài mẫu: Phân tích văn bản: Ý nghĩa của sự tha thứ

- Mục đích của bài viết:	Thuyết phục mọi người cần biết tha thứ khi ai đó phạm lỗi lầm
- Ý kiến của người viết:	Về ý nghĩa của sự tha thứ: Tha thứ là điều cần thiết trong cuộc sống.
- Dấu hiệu của bài văn nghị luận: + Nêu được vấn đề cần bàn luận: + Có lí lẽ, dẫn chứng cụ thể: + Thể hiện được ý kiến của người viết về vấn đề cần bàn luận	+ Ý nghĩa của sự tha thứ + Lí lẽ: Tha thứ tạo cơ hội cho con người sửa chữa lỗi lầm Không ai tránh khỏi những sai lầm Sự tha thứ sẽ cho con người động lực sửa sai + Thể hiện được kiến tán thành của người viết về vấn đề cần bàn luận
- Chức năng của phần mở bài: Giới thiệu vấn đề cần	Giới thiệu vấn đề sự tha thứ và nêu kiến tha thứ là cần thiết

bàn luận và nêu rõ kiến của người viết	
- Bằng chứng của sự tha thứ:	+ Những bức thư gửi lời xin lỗi của phạm nhân trong trại giam Gia Trung gửi người bị hại đã nhận được hàng chục thư hồi âm + Ý kiến của nhà văn Gu-i-li-am A-thơ-rơ Gu-ơ-rơ: Cuộc sống nếu không có tha thứ thì chỉ là tù ngục + Nghiên cứu của bác sĩ Ca-ren Xơ-goát: sự tha thứ giúp giải tỏa căng thẳng...
- Đoạn văn có chức năng giải thích và đoạn văn có chức năng bổ sung, xem xét vấn đề từ nhiều khía cạnh.	Đoạn văn (2), (5), (7)
Kết bài: Đề xuất giải pháp	+ Đặt mình vào vị trí của người khác để cố gắng hiểu họ + Viết thư cho người từng mắc lỗi để thể hiện sự tha thứ và tình yêu thương -> Giải pháp khả thi
Khi viết văn nghị luận cần:	- Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống cần đưa ra những ý kiến, lí lẽ hợp lí, bên cạnh đó là bằng chứng rõ ràng, xác thực, đa dạng; các lí lẽ bằng chứng cần được sắp xếp theo một trình tự hợp lí để thể hiện rõ quan điểm tán thành hay phản đối của người viết.

III. Hướng dẫn quy trình viết

- Bước 1:** Chuẩn bị trước khi viết
- Bước 2:** Tìm ý và lập dàn ý (xem dàn ý SGK/21)
- Bước 3:** Viết bài
- Bước 4:** xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Nói và nghe:

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

Đề bài: Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

Bước 1: Xác định đề tài, không gian và thời gian nói

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý:

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Bước 4: Trao đổi và đánh giá

ÔN TẬP

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Ôn tập về đọc: đặc điểm của văn bản nghị luận về 1 vấn đề trong đời sống.

2. Ôn tập về viết và nói:

- Các phép liên kết
- Trình bày ý kiến về 1 vấn đề đời sống

3. Ôn tập tổng quát:

II. LUYỆN TẬP

HS làm bài tập sách giáo khoa trang 26 vào vở bài tập.

BÀI 7: TRÍ TUỆ DÂN GIAN

VĂN BẢN 1: NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ THỜI TIẾT

(Tục ngữ)

A. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

Khái niệm tục ngữ: SGK/27,28

B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. Chuẩn bị đọc (sgk/29)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

Câu 1: - Trời nắng chóng trưa, trời mưa chóng tối:

→ **Ngày nắng:** trời nóng nên cảm thấy buổi trưa đến sớm

→**Ngày mưa: trời âm u nên cảm thấy tối đến sớm.**

Câu 2: Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa

→**Quanh mặt trăng nếu chỉ có một quầng sáng thì thường trời sẽ oi bức và khô còn nếu có vầng sáng nhiều màu sắc bao quanh thì trời sẽ mưa trong những ngày tiếp theo**

Câu 3: Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão

→**Khi trời nổi gió heo may và chuồn chuồn bay ra nhiều thì sắp có bão.**

Câu 4: Tháng giêng rét dài, tháng hai rét lộc, tháng ba rét nằng Bân.

→**Tháng riêng thời tiết rét đậm, rét hại. Tháng 2 rét vừa tạo thuận lợi cho sự hồi sinh của cây cối, tháng 3 cái rét kéo dài vài ngày.**

Câu 5: Nếu chuồn chuồn bay thấp tức trời sẽ mưa, bay cao trời sẽ nắng và bay vừa trời sẽ râm.

Câu 6: Mùa hè đêm ngắn, ngày dài; mùa đông đêm dài, ngày ngắn

III.Suy ngẫm và phản hồi

Hoàn thành các câu hỏi sách giáo khoa vào vở

IV.Tổng kết

1.Nghệ thuật”: Diễn đạt ngắn gọn; có vần, nhịp điệu, kết cấu đối xứng, nhân quả.

2.Nội dung: Các câu tục ngữ về thời tiết là những bài học quý giá của nhân dân ta.

NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

I. Chuẩn bị đọc (sgk/31)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc: (SGK)

2. Chú thích (SGK)

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Đặc điểm của các câu tục ngữ.

- Xác định số chữ, số dòng, số vế của các câu tục ngữ từ số 1 đến số 5.

Câu	Số chữ	Số dòng	Số vế	Vần
1	4	1	2	Vần lưng (tắc – tắc)
2	8	1	2	vần lưng (lựa - lúa)
3	8	1	2	vần cách (lâu - sâu)
4	6	1	2	vần lưng (lạ - mạ)
5	10	1	2	vần lưng (Tur - hư)
6	14	2	3	vần cách (bờ - cò)

→ Tác dụng: làm cho các câu tục ngữ có nhịp điệu, có hình ảnh

2. Nội dung của các câu tục ngữ

Câu 1:

Nghệ thuật so sánh

Nội dung: câu tục ngữ khẳng định vai trò quan trọng của đất đai.

Câu 2:

Con người đẹp nhờ khoác trên mình bộ quần áo mặc tiền, sang trọng, lúa tốt là vì được chăm bón phân.

Câu 3:

Cày sâu thì lúa tốt, vì đất có toi xới lúa mới dễ hút màu; ví như cơm nhai kỹ thì ruột hấp thụ được.

Câu 4: Một kinh nghiệm trồng trọt, khoai trồng ruộng lạ mới tốt, nhưng mạ thì phải

giao ở ruộng quen mới tốt.

Câu 5: Kinh nghiệm trong trồng trọt thường thì đến tháng ba âm lịch hoa màu rất cần nước nên cơn mưa lúc này rất có ích nhưng đến tháng tư lúc ấy cây trồng đang trong quá trình phát triển ít cần nước nên những cơn mưa lớn sẽ làm hư đất, hư cây trồng.

Câu 6: nói về hiện tượng sau mưa rào kèm theo sấm chớp thì cây trồng rất tốt và cho năng suất cao.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

TỤC NGỮ VÀ SÁNG TÁC VĂN CHƯƠNG

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc

2. Chú thích

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. *Mối quan hệ giữa tục ngữ và sáng tác văn chương.*

- Nhân dân ta đã mượn hình ảnh nàng Bân may áo rét cho chồng để nói về cái rét. Đó là cái rét cuối cùng của mùa đông xảy ra vào tháng 3, khi mà thời tiết đột nhiên trở lạnh ngay giữa những ngày nắng liên tiếp.

- Câu Chim trời cá nước, ai được nấy ăn : của cải thiên nhiên ban tặng không của riêng ai, sự chiếm hữu là không hạn chế.

=> Sử dụng tục ngữ làm tăng hiệu quả và giá trị biểu đạt cho tác phẩm

2. *Những lưu ý khi đọc và sử dụng tục ngữ.*

- Cần sử dụng đúng ngữ cảnh, đúng ý nghĩa về câu chuyện được nói đến trong văn bản.

Một số câu tục ngữ được sử dụng trong tác phẩm văn chương:

- “Bảy nổi ba chìm với nước non” (Bánh trôi nước).
- “Đừng xanh như lá bạc như vôi” (Mời trầu).
- “Cổ đằm ăn xôi xôi lại hằm” (Làm lễ).

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ + NÓI QUÁ VÀ NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

I. Tri thức tiếng Việt

1. Thành ngữ :

Khái niệm: Là một tập hợp từ cố định

VD: *Chậm như rùa, nhanh như cắt, đen như cột nhà cháy,..*

Chức năng: làm cho lời nói, câu văn trở nên giàu hình ảnh, cảm xúc (là 1 bộ phận của câu).

2. Nói quá:

- Khái niệm: là biện pháp phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả.

- Chức năng: nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

VD: *Tát cạn biển Đông.*

*Nói giảm nói tránh

- Khái niệm: là biện pháp dùng cách diễn đạt tế nhị, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự.

VD:

+ Sử dụng những từ đồng nghĩa, gần nghĩa: *qua đời, mất, ra đi, từ trần,..*

+ Sử dụng cách nói đối lập: *Bạn ấy không được cao; Bạn ấy hát chưa hay;...*

+ Sử dụng cách nói hàm ý:

A: Bạn Nam học Toán giỏi không?

B: *Mình thấy trong các môn thì bạn ấy học văn rất tốt, rất có khiếu văn chương.*

II. Thực hành tiếng Việt: BT sgk/35

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI****I. Trải nghiệm cùng văn bản****1. Đọc SGK****2. Chú thích SGK****II. Suy ngẫm và phản hồi: Đặc điểm nghệ thuật của tục ngữ.****1. Số chữ, số dòng, vế câu**

Câu tục ngữ	Số chữ	Số dòng	Số vế
1	4	1	2
6	8	1	2
8	8	1	2
9	8	2	2

2. Hiệp vần, loại vần

Câu tục ngữ	Cặp vần	Loại vần
3	Thầy-mày	Vần cách
4	Thầy -tày	Vần cách
5	Cả-ngã	Vần cách
7	Non-hòn	Vần cách
8	Bạn-cạn	Vần cách

→ Câu văn có hình ảnh, nhịp điệu.

3. Biện pháp tu từ: ẩn dụ

Từ ngữ	Ý nghĩa - Biện pháp tu từ
“Ăn quả”	Hưởng thành quả
“Nhớ kẻ trồng cây”	Biết ơn những người đã tạo ra thành quả
“Sóng cả”	Khó khăn, thử thách
“Ngã tay chèo”	Buông xuôi, không tiếp tục nữa
“Mài sắt”	-Kiên trì, nỗ lực vượt qua khó khăn thử thách
“Nên kim”	-Đạt được thành quả

VIẾT: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

I. Quy trình viết

Nội dung trang 37, 38, 39 SGK

II. Luyện tập

Đề bài: Viết bài văn nghị luận về một câu tục ngữ, danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống.

NÓI VÀ NGHE: XÂY DỰNG VÀ TÔN TRỌNG Ý KIẾN KHÁC BIỆT

Chủ đề trao đổi: Trao đổi ý kiến về hai câu tục ngữ: “*Một giọt máu đào hơn ao nước lã*”, “*Bán anh em xa mua láng giềng gần*”.

Bước 1: chuẩn bị

Bước 2: Trao đổi

Câu 1: SGK/41

Câu 2: Hãy xác định số dòng, số chữ, các cặp vần, các vế, biện pháp tu từ trong các câu tục ngữ sau:

Câu tục ngữ	Số dòng	Số chữ	Các cặp vần	Các vế	Biện pháp tu từ
a	1	8	Đen-đen	2	Ẩn dụ
c	2	14	Ao- rào	4	Từ trái nghĩa

Câu 3:

Thành ngữ	Tục ngữ
-Là các cụm từ cố định	-Là một câu ngắn gọn và có hoàn chỉnh về cấu tạo ngữ pháp.
-Chưa diễn đạt được một ý trọn vẹn	- Diễn đạt được một ý, nội dung trọn vẹn hoàn chỉnh.

Câu 7:

Trí tuệ dân gian là kho tàng tri thức được đúc kết từ trí tuệ và kinh nghiệm sống bao đời của dân tộc.

BÀI 8: NÉT ĐẸP VĂN HÓA VIỆT
(Văn bản thông tin)

Văn bản 1: TRÒ CHƠI CUỐP CỜ

A.TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN (SGK /43)

1/ Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động:

* **Về cấu trúc:** Loại văn bản này thường có 3 phần:

- Phần 1: Giới thiệu mục đích của quy trình thực hiện trò chơi.
- Phần 2: Liệt kê những gì cần chuẩn bị trước khi thực hiện trò chơi hay hoạt động.
- Phần 3: Trình bày các bước cần thực hiện.

* **Về đặc điểm hình thức:** Loại văn bản này thường sử dụng các con số (1, 2, 3,...), từ ngữ chỉ thời gian để giới thiệu trình tự thực hiện.

2/ Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin .

- Theo trật tự thời gian ; theo quan hệ nhân quả ; theo mức độ quan trọng của thông tin
- ...
- Khi viết, người viết có thể kết hợp nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin, nhưng thường chọn một cách triển khai chính để làm nổi bật thông tin.

B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. Chuẩn bị đọc: sgk/45

II/ Trải nghiệm cùng văn bản: Trò chơi cướp cờ

1/ Đọc.

2/ Nội dung: Cách chơi cướp cờ, lưu ý khi chơi...

3. Thể loại và phương thức biểu đạt chính:

- Thể loại: Văn bản thông tin. Cụ thể là văn bản thông tin giới thiệu về một quy tắc trong trò chơi.
- Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Mục đích của văn bản *Trò chơi cướp cờ* và đặc điểm .

a. Mục đích của VB: Giới thiệu về cách thức thực hiện trò chơi cướp cờ

b. Các đặc điểm:

- Về cấu trúc: gồm 3 phần: (a) Giới thiệu mục đích của quy trình; (b) Liệt kê những thứ cần chuẩn bị trước khi chơi; (c) Trình bày cách chơi.
- Về từ ngữ: sử dụng những từ ngữ chỉ thời gian như: *đầu tiên, tiếp theo,*
- Về loại từ: câu sử dụng nhiều động từ.
- Về đề mục: sử dụng đề mục để tóm tắt những thông tin chính của VB như a. Mục đích, b. chuẩn bị, c. Hướng dẫn cách chơi.
- Về phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: Sử dụng hình ảnh minh họa cách chơi.

2. Cách triển khai văn bản thông tin:

VB *Trò chơi cướp cờ* chủ yếu triển khai thông tin theo trật tự thời gian : *đầu tiên, tiếp theo, sau đó, kết thúc.*

3. Hình ảnh minh họa và cước chú trong VB

- Hình ảnh minh họa: Hình vẽ trò chơi (phương tiện phi ngôn ngữ trong VB) làm cho thông tin được rõ ràng, giúp người đọc hình dung và dễ nhận biết cách chơi.
 - Cước chú: Giúp việc đọc hiểu thông tin trong VB thuận lợi hơn.
-

VĂN BẢN 2: CÁCH GỌT CỦ HOA THỦY TIÊN

(Theo Giang Nam)

I. Chuẩn bị đọc (sgk/47)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc văn bản, giải thích từ khó.

- Đọc
- Tìm hiểu và giải thích từ khó (tr.48 sgk))

2. Tác giả: Giang Nam

3. Thể loại và phương thức biểu đạt chính:

- *Thể loại*: văn bản thông tin giới thiệu về một quy tắc trong hoạt động.
- *Phương thức biểu đạt chính*: Thuyết minh

III. Suy ngẫm và phản hồi

1/ Tìm hiểu nội dung thông tin:

a. Nội dung thông tin của VB

***Thông tin cơ bản**: Cách gọt củ hoa thủy tiên

***Thông tin chi tiết**:

B1: Chuẩn bị: Dụng cụ và chọn củ thủy tiên.

- Dụng cụ cắt tỉa gọt.
- Củ thủy tiên.

B2: Ngâm nước và gọt tỉa

- Ngâm và thay nước đúng kĩ thuật.
- Gọt tỉa củ thủy tiên khéo léo: Tác giả miêu tả quá trình gọt tỉa này qua nhiều công đoạn phức tạp.

B3: Thủy dưỡng:

- Ngâm dưỡng thủy tiên;
- Thúc, hãm thủy tiên;
- Chỉnh lá, chỉnh hoa.

b. Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB

- Tác giả kết hợp nhiều cách:
 - + Chủ yếu là trình tự thời gian;
 - + Theo mối quan hệ nhân quả.
- Cấu trúc và đặc điểm hình thức với mục đích viết của VB

2. Hình ảnh minh họa và cước chú

- Hình ảnh minh họa: giúp người đọc hình dung rõ về các bước cần thực hiện trong hoạt động gọt củ hoa thủy tiên.
 - Cước chú: Giúp việc đọc hiểu thông tin trong VB thuận lợi hơn.
-

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

HƯƠNG KHÚC (Nguyễn Quang Thiều)

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Nguyễn Quang Thiều

a. Đề tài: Văn hóa ẩm thực Việt

b. Thể loại, phương thức biểu đạt:

- Thể loại: Văn bản tản văn.
- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Chất trữ tình trong văn bản

- Chất trữ tình thể hiện vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, vẻ đẹp của hình ảnh bánh khúc tạo nên rung động thẩm mỹ cho người đọc. Những tình cảm đó được bộc lộ qua hình ảnh chiếc bánh khúc tuổi thơ.

2. Cái tôi trong VB

- Thể hiện qua từ nhân xưng “tôi”; thể hiện trực tiếp và gián tiếp qua cách tác giả kể và tả về cách bà làm bánh khúc.
- Tác giả thể hiện sự yêu thương, trân quý, nâng niu chiếc bánh ấy như nâng niu tất cả những gì đẹp nhất của tuổi thơ và đặc biệt trong đây còn có những kí ức rất đẹp và ấm áp về người bà.

3. Ngôn ngữ của VB

- Ngôn ngữ mộc mạc, chân thật, bình dị; văn phong trong sáng, gợi hình, gợi cảm.
-

I. Lý thuyết về số từ: đặc điểm và chức năng

1/ Ví dụ: SGK/44

(1)- Các từ ngữ in đậm bổ sung ý nghĩa cho các từ:

+**hai** → chàng

+**một trăm** → ván cơm nếp

+**một trăm** → nếp bánh trung

+**chín** → ngà

+**chín** → cựa

+**chín** → hồng mao

+**một** → đôi.

– Các từ được bổ sung đều thuộc từ loại danh từ, về ý nghĩa số lượng cho danh từ.

– Các từ ngữ in đậm đứng trước danh từ chỉ số lượng mà nó bổ sung.

(2) - Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho các từ:

+**thứ** → **sáu** ⇒ “sáu” bổ sung ý nghĩa về thứ tự cho danh từ “thứ”, đứng sau danh từ “thứ”.

+**hai** → **vợ chồng** ⇒ “hai” bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “vợ chồng” đứng trước danh từ “vợ chồng”

⇒ Các từ **hai, một trăm, chín, một, sáu** trong các ví dụ trên được gọi là **số từ**.

2/ Kết luận

a. Khái niệm

Số từ là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật.

b. Đặc điểm và chức năng của số từ:

– Khi biểu thị **số lượng** sự vật, số từ thường **đứng trước danh từ**. Số từ chỉ số lượng bao gồm:

+ Số từ chỉ số lượng chính xác. VD: một, hai, ba, bốn,...

+ Số từ chỉ số lượng ước chừng. VD: vài, mười, dăm...

– Khi biểu thị **số thứ tự** của danh từ, số từ thường **đứng sau danh từ**.

VD: số nhà **mười bảy**, phòng số **sáu**,...

II. Thực hành: SGK/54

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI KÉO CO

(Trần Thị Ly)

I. Trải nghiệm cùng văn bản “Kéo co”

1. Đọc

2. Tác giả: Trần Thị Ly

- *Xuất xứ*: In trong *Trò chơi Dân gian Nam Bộ*, NXB Hội Nhà văn, 2017.

3. Thể loại và phương thức biểu đạt chính:

- *Thể loại*: Văn bản thông tin giới thiệu về một quy tắc trong trò chơi.

- *Phương thức biểu đạt chính*: Thuyết minh

II. Suy ngẫm và phản hồi

1/ Nội dung thông tin của văn bản và cách triển khai thông tin trong VB

a. Nội dung thông tin trong VB

* **Thông tin cơ bản**: Giới thiệu trò chơi kéo co - một trò chơi dân gian

* **Thông tin chi tiết bậc 1**

(1) a. Người chơi

(2) b. Chuẩn bị:

(3) c. Hướng dẫn cách chơi.

(4) d. Quy định trò chơi

b. Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB:

- Trình tự thời gian.

2/ Cấu trúc và đặc điểm hình thức với mục đích viết của VB

- Mục đích viết của VB: Giới thiệu về cách thức thực hiện trò chơi kéo co

- Các đặc điểm sau của văn bản đã góp phần thực hiện mục đích đó.

3/ Hình ảnh minh họa và cước chú trong VB

- Hình ảnh minh họa: để hỗ trợ cho việc biểu đạt thông tin.

- Cước chú: Giúp việc đọc hiểu thông tin trong VB thuận lợi hơn.

VIẾT: VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

I. Tìm hiểu chung về văn bản tường trình

1. Khái niệm

- Là kiểu văn bản thông tin, trình bày tường tận, rõ ràng, đầy đủ về diễn biến của một sự việc “đã gây hậu quả và có liên quan đến người viết”, trong đó nêu rõ mức độ thiệt hại (nếu có) và xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc.

2. Yêu cầu

- Phân mở đầu;
- Nội dung bản tường trình;
- Phần kết thúc.

II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

* **Bước 1:** Đọc VB tường trình

- Đọc VB (tr.60, sgk)
- Xem cách tường trình về việc làm vỡ chậu cây lớp 7A2

* **Bước 2:** Nhận xét, phân tích các yêu cầu

- Dựa vào dấu hiệu trong VB, xác định phần mở đầu, nội dung tường trình và kết thúc.
- Phần mở đầu trình bày những nội dung:
 - + Quốc hiệu, tiêu ngữ
 - + Địa điểm và thời gian viết bản tường trình.
 - + Tên VB và tóm tắt sự việc tường trình
 - + Người nhận bản tường trình
 - + Thông tin người viết bản tường trình
- Nội dung tường trình gồm những nội dung:
 - + Thời gian, địa điểm xảy ra, những người tham gia, diễn biến sự việc.
 - + Nguyên nhân của sự việc
 - + Hậu quả của sự việc
 - + Xác định rõ trách nhiệm của người viết tường trình
- Phần kết thúc gồm những nội dung:
 - + Lời đề nghị
 - + Lời hứa
- + Chữ kí và tên của người viết tường trình.

II. Thực hành

Đề bài: *Viết văn bản tường trình về một sự việc xảy ra ngoài ý muốn trong trường mà em đã chứng kiến hoặc tham gia.*

(Hs viết vào tập)

**NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI MỘT CÁCH XÂY DỰNG,
TÔN TRỌNG CÁC Ý KIẾN KHÁC BIỆT**

I. Chủ đề trao đổi: (đã giao nhiệm vụ từ tiết trước)_

Chủ đề: Trong lớp em, có bạn cho rằng trò chơi điện tử có nhiều tác hại nhưng cũng có bạn khẳng định nó vẫn có những lợi ích nhất định. Vậy ý kiến của em là gì? Em sẽ trao đổi với các bạn như thế nào?

GV chia thành 2 dãy để HS trao đổi theo chủ đề trên.

II. Thực hành

Trao đổi ý kiến về trò chơi điện tử	
Lợi ích	Tác hại
-	
*Chuẩn bị cách trao đổi: Em và các bạn thống nhất một số vấn đề đã nêu trong sgk. Bước 2. Trao đổi - Trình bày ý kiến. - Tiếp nhận, phản hồi ý kiến của người khác và bảo vệ ý kiến của mình.	

ÔN TẬP**Câu 1:**

Văn bản Phương diện so sánh	Trò chơi cướp cờ	Cách gọt hoa thủy tiên
Những điểm giống nhau (nội dung, đặc điểm hình thức)	+ Dùng để giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. + Triển khai thông tin chính theo trình tự thời gian. + Dùng phương tiện phi ngôn ngữ là hình ảnh minh họa để bổ sung nội dung cho văn bản.	
Những điểm khác nhau (nội dung, đặc điểm hình thức)	+ Giới thiệu với bạn đọc về quy tắc, luật lệ trong một trò chơi + Giới thiệu mục đích của trò chơi cướp cờ.	+ Giới thiệu với bạn đọc về quy tắc trong hoạt động + Giới thiệu mục đích của quy trình, liệt kê những gì cần chuẩn bị trước khi thực hiện, trình bày các bước thực hiện gọt củ hoa thủy tiên.

	+ Liệt kê những gì cần chuẩn bị trước khi thực hiện trò chơi + Trình bày các bước cần thực hiện khi chơi + Sử dụng đề mục.	+ Sử dụng các con số, thuật ngữ,
--	--	----------------------------------

- HS về nhà làm bài 2-6 vào vở luyện tập.

-----Hết-----

Bài 9: TRONG THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG (TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG)

VĂN BẢN 1: DÒNG “SÔNG ĐEN”

Giuy-n Véc-nơ (Jules Verne)

A. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN (SGK/67)

1. Truyện khoa học viễn tưởng:

Là loại truyện hư cấu về những điều diễn ra trong một thế giới giả định, dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của tác giả. Truyện khoa học viễn tưởng có các đặc điểm như sau:

2. Đặc điểm truyện:

- Đề tài.
- Cốt truyện
- Tình huống truyện.
- Sự kiện.
- Nhân vật.
- Không gian, thời gian.

B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. Chuẩn bị đọc (sgk)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: (SGK/74)

2. Trải nghiệm cùng văn bản

a. **Thể loại:** Truyện

b. **Xuất xứ:** Nằm trong chương 14 tác phẩm *Hai vạn dặm dưới biển*.

c. **Tóm tắt:**

Truyện xoay quanh cuộc sống của Nét Len, giáo sư A-rô-nắc và Công-xây khi họ bị rơi xuống biển và được tàu Nau-ti-lux cứu. Họ đã xảy ra cuộc mâu thuẫn khi họ đi vào hải lưu của dòng "Sông đen" về kế hoạch chạy trốn hay là cùng nhau quan sát, tìm hiểu những điều hay ho dưới đáy biển này. Được chứng kiến tận mắt những cảnh đẹp mê hồn đó, dường như mỗi người đều thả hồn, chăm chú, đầy thích thú với cảnh vật mà quên đi cuộc tranh luận trước đó và họ dần hiểu ra thế giới đặc biệt với những bí mật thâm kín của người thuyền trưởng đầy bí ẩn Nê-mô.

III. Suy ngẫm và phản hồi

* Đặc điểm truyện:

Đề tài	Sự kiện	Tình huống	Nhân vật	Không thời gian
Những ngày đầu của hành trình hai vạn dặm dưới biển trên con tàu Nau-ti-lux.	- Suy nghĩ về thuyền trưởng Nê-mô. - Cuộc tranh cãi giữa giáo sư với Nét-len. - Thích thú, say mê trước cảnh đẹp dưới lòng đại dương.	Cuộc tranh luận đầy mâu thuẫn của giáo sư A-rô-nắc và Nét-len trong con tàu Nau-ti-lux của thuyền trưởng bí ẩn Nê-mô dưới lòng đại dương.	giáo sư A-rô-nắc, Nét-len, Công-xây	- Không dưới lòng đại dương. - Thời gian không xác định.

=>Truyện khoa học viễn tưởng được viết theo thể hư cấu về một điều giả định được dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của người viết truyện.

VĂN BẢN 2: XƯỞNG SÔ-CÔ-LA (CHOCOLATE)

Rô-a Đan (Roald Dahl)

I. Chuẩn bị đọc (sgk)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Rô-a Đan SGK/79

2. Tác phẩm:

a. **Thể loại:** Truyện KHVT.

b. **Xuất xứ:** Trích Charlie và nhà máy sô-cô-la.

c. Tóm tắt:

+ Ông Quon-cơ dẫn 5 đứa trẻ đến thăm nhà máy sô-cô-la.

+ Ông đầy tự hào khi giới thiệu về dòng sông, con thác, hoa, cỏ đặc biệt.

- + Sác-li, cùng ông nội và bọn trẻ ngắm dòng sông sô-cô-la khổng lồ và con thác nhào sô-cô-la.
- + Được tận mắt chứng kiến các loại cây cỏ, hoa kì lạ, vừa trồng làm đẹp phong cảnh nhà máy, vừa ăn được, có vị đường mềm, vị bạc hà rất thơm ngon.
- + Được tận mắt nhìn thấy những người công nhân tí hon Umpơ-Lumpơ.

III. Suy ngẫm và phản hồi

1/ Nhân vật ông Quơn-cơ

Thời điểm	Thái độ	Hành động
Khi giới thiệu với mọi người về tầm quan trọng của xưởng sô-cô-la	- Nhấn mạnh đây là trung tâm thần kinh, trái tim của nhà máy. - Khẳng định ông chú trọng làm cho xưởng sô-cô-la phải đẹp. - Nhắc bọn trẻ đừng quá phần khích.	- Vừa nói vừa lấy chùm chìa khóa, mở xưởng nhà máy.
Khi giới thiệu về vẻ đẹp của không gian nhà máy, về những sáng chế cỏ, hoa có thể ăn được.	- Tự hào về vẻ đẹp, nét độc đáo nhà máy. - Giọng đầy trù mến, mời mọi người nếm thử hoa, cỏ.	- Giơ chiếc can ra chỉ vào bụi cây, cánh đồng cỏ, và...
-> Nhân vật thể hiện đặc điểm của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng.		

=> Ông Quơn-cơ là người có khả năng phi thường, có thể tạo ra những điều kì diệu.

2/ Một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng

- **Đề tài:** ứng dụng khoa học trong xây dựng nhà máy sản xuất sô-cô-la.
- **Không gian:** trong xưởng sô-cô-la của ông Quơn-cơ.
- **Nhân vật được đặt trong tình huống:** tham gia cuộc phiêu lưu vào một nhà máy sô-cô-la kì lạ và chứa nhiều bí ẩn.

Độc kết nối chủ điểm**TRÁI TIM ĐAN-KÔ (DANKO)****I/ Trải nghiệm cùng văn bản:****- Tác giả: Sgk****II/ Suy ngẫm và phản hồi:****1/ Tóm tắt truyện:**

- Đan-kô dẫn đường cho mọi người đi vào rừng.
- Đường đi gian nan, đoàn người mệt lả, mất tinh thần.
- Họ không dám thú nhận sự yếu hèn mà đổ lỗi cho Đan-kô.
- Hai bên bắt đầu cãi nhau khiến rừng cũng phải gập lên.
- Đan-kô cảm thấy phẫn uất, nhưng lòng vẫn thương mọi người.
- Anh xé toang lồng ngực, dứt trái tim ra và giơ cao lên đầu. Đoàn người sửng sốt, đứng trơ ra như phỗng.
- Đan-kô yêu cầu mọi người đi tiếp, họ xông lên theo anh, sung sướng mê cuồng.
- Chàng Đan-kô bật lên tiếng cười tự hào, rồi gục xuống và chết. Đoàn người mãi vui sướng nên không hề để ý rằng anh đã chết. Một người nhìn thấy và giẫm lên trái tim của anh.

2/ Yếu tố truyện khoa học viễn tưởng:

Yếu tố	Văn bản Trái tim Danko
Không gian	- Không gian rừng già, đầm lầy nguyên sinh gắn với huyền thoại về người anh hùng của bộ lạc.
Thời gian	- Mơ hồ, không xác định, được bao phủ trong màn sương của huyền thoại, của kí ức xa xưa qua lời kể của bà lão I-dec-ghin.
Nhân vật	- Nhân vật người anh hùng Danko là nhân vật được xây dựng từ trí tưởng tượng.
Chi tiết/ Hình ảnh	- Những hình ảnh: Danko xé toang lồng ngực, Danko lấy trái tim ra soi đường, trái tim cháy sáng như ánh đuốc, trái tim vẫn cháy khi Danko gục chết, trái tim bị giẫm lên vẫn bùng ánh lửa, ... là hình ảnh chỉ có trong trí tưởng tượng.

Thực hành tiếng việt:

MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH VÀ TRẠNG NGỮ TRONG CÂU BẰNG CỤM TỪ

I. Cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ:

(1) Trong những cánh đồng cỏ, mao lương/đua sắc.

C V

(2) Trong những cánh đồng cỏ, hàng ngàn cây mao lương hoa vàng /đua sắc.

C V

-> Chủ ngữ trong câu (1) là một từ, chủ ngữ trong câu (2) là một cụm từ.

1/ Mở rộng vị ngữ bằng cụm từ

(1) Đó/chính là một điều bí mật

C V

(2) Đó/chính là một điều bí mật mà tôi muốn chia sẻ với bạn.

C V

-> Vị ngữ trong câu (2) có cấu tạo phức tạp hơn vị ngữ trong câu (1) .

2/ Mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ

(1) Trước ánh sáng, bóng tối tan tác và run lẩy bẩy, nhào xuống cái mồm hôi thối của đầm lầy nơi rừng sâu núi thẳm.

(2) Trước ánh sáng của trái tim Đan- kê, bóng tối tan tác và run lẩy bẩy, nhào xuống cái mồm hôi thối của đầm lầy nơi rừng sâu núi thẳm.

-> Trạng ngữ trong câu (2) có cấu tạo phức tạp hơn trạng ngữ trong câu (1) /

-> Việc mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ làm cho việc miêu tả chi tiết, rõ ràng hơn.

* Nhận xét:

Các cách mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ:

- Biến CN, VN và TN trong câu từ 1 từ thành 1 cụm từ.

- Biến CN, VN và TN trong câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ phức tạp có những thông tin cụ thể, chi tiết hơn.

II. Thực hành: Bài tập sgk/83

Đọc mở rộng theo thể loại

MỘT NGÀY CỦA ICH-CHI-AN

I. Trải nghiệm cùng văn bản

- Thể loại: Truyện khoa học viễn tưởng
- Xuất xứ: Trích trong truyện “Người cá”

II. Suy ngẫm và phản hồi

Đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng	Thể hiện trong Một ngày của Ích- chi- an
Đề tài	Khoa học thay đổi tiềm năng của một con người
Tình huống	Ích-chi-an được phẫu thuật thành người cá, có khả năng lặn và sống đáy biển.
Sự kiện	+ Ích-chi-an bơi theo dòng hải lưu ra biển. + Ích-chi-an vui đùa cùng những chú cá, thưởng thức vẻ đẹp của biển. + Ích-chi-an cứu những chú cá bị đánh dạt vào bờ biển sau cơn bão.
Nhân vật	Ích-chi-an
Không gian	Đáy biển, mặt biển, bờ biển
Thời gian	Một ngày của người cá ở đáy biển

Viết**VIẾT ĐOẠN VĂN TÓM TẮT VĂN BẢN****I. TÌM HIỂU TRI THỨC KIỂU VĂN BẢN (SGK /89)****1. Thế nào là đoạn văn tóm tắt VB**

- Đoạn văn tóm tắt VB được viết để trình bày ngắn gọn ý chính được nêu trong VB.
- Việc viết đoạn văn tóm tắt VB giúp chúng ta nhận ra nội dung chính của VB.

2. Yêu cầu của đoạn văn tóm tắt VB

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.
- Tóm tắt các ý chính của VB gốc.
- Đảm bảo yêu cầu về độ dài của đoạn văn.
- Đảm bảo nội dung chính của VB

3. Cấu trúc của đoạn văn tóm tắt VB: gồm 2 phần

- Giới thiệu nhan đề và tác giả của VB cần tóm tắt.
- Trình bày ngắn gọn các ý lớn, ý bổ trợ được nêu trong VB.

II. HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH KIỂM VĂN BẢN

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Xác định đề tài: Lựa chọn văn bản truyện/ văn bản nghị luận

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Xác định các sự việc/luận điểm chính, các chi tiết quan trọng trong VB và trình bày mối quan hệ giữa các yếu tố này.
- Sắp xếp các sự kiện/luận điểm chính theo trình tự hợp lí. (theo gợi ý sgk/91)

Bước 3: Viết đoạn

- Dựa vào dàn ý, viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.
- Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn, về độ dài của đoạn.

Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ

- Đọc lại bản thảo của cá nhân, tự kiểm tra, điều chỉnh nội dung cấu trúc của bài.
- Rút kinh nghiệm
- Chia sẻ bài cùng các bạn.

III/ HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH VIẾT (SGK/90/91)

Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn (từ 150- 200 chữ) để tóm tắt một văn bản nghị luận hoặc một truyện ngắn mà em thích.

Nói và nghe: **THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI**

Chủ đề:

CD 1: Ông Quơn-cơ có sai không khi cố tình thử thách năm đứa trẻ lúc tham quan nhà máy sô-cô-la với ý đồ chọn người thắng cuộc để trao tặng nhà máy?

CD 2: Ích-chi-an là người may mắn được trao năng lực làm người cá hay là người bất hạnh?

CD 3: Bác sĩ Xan-va-tô là nhà khoa học tài năng hay là một tên tội phạm

1. BƯỚC 1: CHUẨN BỊ (SGK/92/93)

- Thành lập nhóm và phân công công việc
- + nhóm nhỏ 1: Đồng tình
- + nhóm nhỏ 2: Không đồng tình
- Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận:

+ HS đọc lại VB, tìm hiểu kĩ nhân vật, chuẩn bị lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm

- Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận

2. BƯỚC 2: THẢO LUẬN (SGK/93/94)

- Đại diện nhóm sẽ trình bày ý kiến thống nhất của nhóm mình dựa trên những lí lẽ, dẫn chứng mà các nhóm đã tranh luận, phản biện.

- HS tập nói một mình trước gương.

- HS tập nói trước nhóm/tổ.

Ý kiến đồng tình	Ý kiến phản đối
Lí lẽ	
Dẫn chứng	

=> Ý kiến thống nhất.

ÔN TẬP

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

Tóm tắt nét đặc sắc truyện KHVT đã học:

	Dòng “Sông Đen”	Xưởng Sô-co-la	Một ngày của Ích-chi-an
Đề tài			
Nhân vật			
Sự kiện			
Không gian			
Thời gian			

II. LUYỆN TẬP

HS làm bài 3,4,5,6SGK/95 vào vở bài tập.

BÀI 10 LẮNG NGHE TRÁI TIM MÌNH (THƠ)

Văn bản 1:

ĐỢI MẸ

- Vũ Quần Phương-

A.TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

Thơ và sự thể hiện tình cảm, cảm xúc trong thơ (SGK/96)

- **Thơ:** Được sáng tác để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước khoảnh khắc của đời sống.
- **Ngôn ngữ thơ:** Có khả năng truyền cảm, lan tỏa tình cảm, cảm xúc qua cách dùng từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp các biện pháp tu từ.

B.ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. Chuẩn bị đọc (sgk/98/99)

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: SGK/99

2. Tác phẩm:

- Thể loại: thơ

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Tình cảm của em bé với mẹ

- Đợi mẹ: ngồi đợi mẹ mỗi morn.
- Từ ngữ, hình ảnh: ngồi nhìn, lẫn, trông chờ,...; vàng trắng non, mẹ bế vào nhà...
☐ Nhân hóa
- Hình tượng độc đáo, thi vị làm rõ tình yêu mẹ của bé (chờ mẹ đến ngủ quên ngoài đầu hè) cũng như tình yêu bé của mẹ (âu yếm, thương yêu)

2. Tâm trạng của tác giả

Tình cảm của con với mẹ, mẹ với con là 1 trong những tình cảm thiêng liêng, trân quý nhất của con người

→**Tác giả bày tỏ sự yêu thương, gắn kết với người thân.**

Văn bản 2:**MỘT CON MÈO NÀM NGỦ TRÊN NGỰC TÔI****- Anh Ngọc-****I. Chuẩn bị đọc (sgk/100)****II. Trải nghiệm cùng văn bản****1. Tác giả: SGK/101****2. Tác phẩm:**

- Thể loại: thơ

III. Suy ngẫm và phản hồi**1. Nét độc đáo của bài thơ**

Nét độc đáo của bài thơ		Nhận xét
Hình ảnh thơ (chú mèo)	Đôi mắt trong veo, đôi mắt biếc trong veo	Chú mèo dễ thương, xinh xắn đáng yêu
	Hàm răng dài nhọn hoắt	
	Như đứa trẻ giữa vòng tay ấp ủ	
	Đôi tai vểnh ngậy thơ	
	Cái đuôi dài buống bình	
	Hàng ria mép ngang tàng	
Biện pháp tu từ	So sánh: như đứa trẻ giữa vòng tay ấp ủ	<i>Chú mèo thơ ngây tựa một đứa trẻ</i>
	Ẩn dụ: Móng vuốt của đêm	Gợi hình ảnh sinh động
	Điệp từ: “ngủ đi” (6 lần)/ “được” (2 lần)	Thể hiện sự vỗ về, ấp ủ của nhân vật tôi dành cho chú mèo
Nhịp thơ	Nhịp 3/5; 5/; 2/2/3/2	Gợi nhịp điệu nhẹ nhàng, tình cảm
Từ ngữ	Dùng nhiều tính từ: “Nhọn hoắt” “ngậy thơ” “buống bình” “ngang tàng”...	Phác họa sinh động, cụ thể hình ảnh chú mèo
Yếu tố miêu tả và tự sự	Chi tiết miêu tả hình ảnh chú mèo Kể chuyện chú mèo nằm ngủ trên ngực	Gợi lên hình ảnh chú mèo nhỏ dễ thương và thể hiện sự gắn bó thân thiết giữa nhân vật tôi và chú mèo

2. Tình cảm cảm xúc của nhà thơ

- Hình ảnh được nhắc lại tới hai lần: “trên ngực tôi một chú mèo nằm ngủ”.

- Những từ ngữ thể hiện cảm xúc, mối quan hệ của nhân vật tôi dành cho chú mèo đang ngủ:

- + *Nằm nghe nhịp nhàn thảnh thót.*
- + *Trái tim tôi hòa nhịp trái tim mèo.*
- + *Trái tim tôi một phút bỗng mềm đi.*
- + *Lâng lâng hạnh phúc.*
- + *Được âu yếm, vuốt ve, đùm bọc.*
- + Được âm thầm cất tiếng ca ru

- Tình cảm của nhân vật tôi (nhà thơ): Gắn bó, chở che, yêu thương đùm bọc và luôn cảm thấy hạnh phúc, vui sướng khi được bên cạnh chú mèo.

3. Thông điệp của bài thơ

- Hãy biết yêu thương, chở che cho những loài vật nhỏ bé gần gũi quanh mình, biết yêu thương đồng loại.
- Hãy để trái tim mình được rung cảm để biết sống sâu, sống chậm, sống ý nghĩa hơn.

Đọc mở rộng theo thể loại

MẸ

- Đỗ Trung Lai-

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Đỗ Trung Lai

2. Tác phẩm:

- Thể loại: thơ

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Hình ảnh người mẹ

- Hình dáng mẹ

- + Theo thời gian, cây cau ngày càng phát triển, cao lớn, xanh tốt.
- + Mẹ càng ngày càng già đi.

-> đối lập tương phản. Nỗi xót xa của người con khi mẹ càng ngày càng già yếu.

- Hành động của mẹ

- + Khi còn bé: bỏ cau làm tư.
- + Hiện tại: cau bỏ làm tám mẹ còn ngại to.
- + Tác giả mượn hình ảnh nhai trầu quen thuộc để khắc họa người mẹ. Miếng trầu bỏ nhỏ gợi ra tuổi già móm mém của mẹ.

2. Tình cảm của người con dành cho mẹ

- + Nâng: sự trân trọng, nâng niu miếng trầu - hình ảnh tượng trưng cho mẹ.
 - + Cầm: tình cảm dồn nén, chứa đựng bao xót xa, tình cảm của con dành cho mẹ
- => Qua hình ảnh miếng cau khô, ta cảm nhận được nỗi niềm của con dành cho mẹ. Con thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của đời mẹ, trân trọng những hi sinh mẹ đã dành cho con nhưng không khỏi đau đớn trước những vất vả của mẹ.
- Sao mẹ ta già? => Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con.

Độc kết nối chủ điểm

LỜI TRÁI TIM

- Paulo Coelho-

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Paulo Coelho

2. Tác phẩm:

- Xuất xứ: trích trong tác phẩm Nhà giả kim
- Nội dung: Là câu chuyện đầy ý nghĩa về cuộc hành trình đi tìm và chinh phục ước mơ, qua đó tác giả gửi gắm nhiều thông điệp ý nghĩa về cuộc đời.

II. Suy ngẫm và phản hồi

PHIẾU BÀI TẬP

Câu	Nội dung câu hỏi	Câu trả lời của em
-----	------------------	--------------------

1	Theo nhà luyện kim đan, vì sao cậu bé chần chừ cần lắng nghe tiếng nói trái tim mình?	“Vì tim ở đâu thì kho báu ở đó”. “Vì chẳng bao giờ bắt trái tim im lặng được. Ngay cả khi cậu làm như không thèm nghe nó nói thì nó vẫn luôn ở trong con người cậu, nhắc đi nhắc lại những điều cậu nghĩ về cuộc đời và thế giới”.
2	Nhà luyện kim đan khuyên cậu bé chần chừ làm gì để không bị trái tim đánh bất ngờ?	Hiểu rõ trái tim mình, lắng nghe nó nói, hiểu rõ nó muốn gì, ước mơ gì thì sẽ biết cách ứng xử phù hợp.
3	Em có đồng tình với ý kiến của nhà luyện kim đan “Sợ phải đau khổ còn đau đớn hơn là chính sự đau khổ, và chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện ước mơ” không? Vì sao?	Đồng tình. Vi: khi ta sống và nỗ lực theo những hoài bão khát vọng thì cuộc sống sẽ vô cùng ý nghĩa, tràn đầy hạnh phúc cho dù có chông gai, hoặc có thất bại ta cũng học được bài học cho chính mình để tiếp tục cố gắng.
4	Đoạn trích có nhiều lời thoại nói về sự cần thiết của việc lắng nghe tiếng nói trái tim. Lời thoại nào em yêu thích nhất? Vì sao?	- “Trái tim cậu ở đâu thì kho báu cậu tìm cũng ở đó.” - “Chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện ước mơ.

Thực hành tiếng việt:

NGŨ CẢNH VÀ NGHĨA CỦA TỪ TRONG NGŨ CẢNH

I. Tri thức tiếng việt

1. Ngũ cảnh

- Ngũ cảnh có thể là một tình huống, một đoạn văn, một câu, một cụm từ và cũng có thể là một từ.
- Có vai trò quan trọng trong việc lựa chọn từ ngữ khi viết hoặc nói và hiểu nghĩa của từ khi đọc hoặc nghe.

VD:

Người cha chỉ người sinh ra ta.

Người cha chỉ Bác Hồ.

2. Nghĩa của từ trong ngữ cảnh

- Trong mỗi ngữ cảnh, từ thể hiện khả năng kết hợp với các yếu tố khác, qua đó bộ lộ một nghĩa xác định nào đó.
- Khi gặp một từ không biết nghĩa, có thể dựa vào ngữ cảnh để xác định nghĩa của từ.

VD1: SGK/97

- Khúc khuỷu: có nhiều đoạn gấp khúc ngắn, nối nhau liên tiếp rất nguy hiểm.
- Dựa vào ngữ cảnh “nhiều đoạn gấp khúc ngắn, nối nhau liên tiếp” trong câu văn trên để xác định nghĩa của từ

VD2: SGK/97

- Phát minh: Tìm ra cái có cống hiến cho khoa học và loài người.
- Dựa vào một số ví dụ cụ thể : “máy hơi nước, điện, tivi, máy vi tính.”

VD3: SGK/97

- Lửa: màu đỏ của hoa lựu.

Nghĩa của từ lửa trong ngữ cảnh trên sử dụng với nghĩa ẩn dụ không dùng theo nghĩa thông thường.

II. Thực hành tiếng việt: SGK/104

Đọc mở rộng theo thể loại

MẸ

– Đỗ Trung Lai–

I. Trải nghiệm cùng văn bản

II. Suy ngẫm và phản hồi

Viết:

VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI

I. Tri thức kiểu bài (xem lại bài 4)

1. Ôn tập khái niệm bài văn văn biểu cảm

Kiểu văn bản trình bày cảm xúc của người viết về đối tượng

2. Yêu cầu:

- Tình cảm trong sáng, chân thật
- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc
- Phương thức kết hợp: miêu tả và tự sự
- Bố cục: 3 phần

II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản (sgk/107)

Bài văn: Người bạn yêu quý của tôi (SGK/107)

1. Bài văn được viết để biểu lộ tình cảm: *quý mến một người bạn*
2. Bố cục: 3 phần
 - MB: giới thiệu, bộc lộ cảm xúc về người bạn
 - TB: bày tỏ cảm xúc về người bạn theo trình tự
 - KB: Khẳng định tình cảm, cảm xúc về người bạn. Rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.

III. Hướng dẫn quy trình viết (sgk/108/109)

1. Chuẩn bị trước khi viết
2. Tìm ý, lập dàn ý
3. Viết bài
4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

Nói và nghe:

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

I. Chủ đề: Ý nghĩa của tình bạn (sgk/111)

1. Bước 1: xác định đề tài, thời gian và không gian nói
2. Bước 2: tìm ý và lập dàn ý
3. Bước 3: luyện tập và trình bày
4. Bước 4: trao đổi và đánh giá

II. Thực hành

ÔN TẬP BÀI 10

Hướng dẫn học sinh hoàn thành các câu hỏi sgk/112

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

- I. ĐỌC VÀ TIẾNG VIỆT
(SGK/113 – 115)**
- II. VIẾT, NÓI VÀ NGHE
(SGK/116)**